

KẾ HOẠCH BÀI DẠY TUẦN 30 - LỚP : 3D
NGƯỜI THỰC HIỆN: NGUYỄN THỊ ĐUỖM
Thời gian thực hiện: Từ ngày 17/4 đến ngày 21/4/2023

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN: TIẾNG VIỆT
TIẾNG VIỆT
CHỦ ĐIỂM: TRÁI ĐẤT CỦA EM
ĐỌC: EM NGHĨ VỀ TRÁI ĐẤT (TIẾT 1+2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

- Đọc thành tiếng trôi chảy bài thơ. Phát âm đúng các từ ngữ dễ viết sai: trên, trắng, lung, nắng, lung linh, loài người, màu,...
- Ngắt nghỉ hơi đúng giữa các dòng thơ, khổ thơ.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ trong bài. Hiểu ý nghĩa của bài thơ: Thể hiện mong muốn cuộc sống hoà bình, hữu nghị trên Trái Đất.
- Hiểu được tác dụng của các từ hĩa, mong, đừng và đặt được câu khiến với mỗi từ đó.

1.2. Phát triển năng lực văn học

- Hiểu và biết bày tỏ sự yêu thích với một số từ ngữ hay, hình ảnh đẹp.
- Biết chia sẻ với mong muốn của tác giả bài thơ.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, đọc bài và trả lời các câu hỏi. Nêu được nội dung bài.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia đọc trong nhóm.


3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu cảnh đẹp, quê hương qua bài tập đọc.
- Phẩm chất nhân ái: Biết yêu quý bạn bè qua bài thơ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ đọc bài, trả lời câu hỏi.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động.</p> <p>- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Trò chơi: Hộp quà bí mật</p> <p>+ Bạn hãy đọc bài tập đọc đoạn 1; 2;3;4. Chuyện của ông Biển (HS đọc theo yêu cầu của phiếu)</p> <p>+ Ông Biển đem lại những gì cho con người??</p> <p>+ Điều gì xảy ra khiến ông Biển phải đi tìm người giúp đỡ?</p> <p>+ Điều gì đã khiến ông Biển vui trở lại?</p> <p>- Nhận xét chung, tuyên dương HS trả lời tốt.</p>	<p>- HS tham gia trò chơi</p> <p>+ Ông Biển thổi gió mát vào đất liền, đưa hơi nước lên trời làm mưa và cho con người rất nhiều sản vật của biển</p> <p>+ Con người đổ xuống biển mỗi năm hơn 6 triệu tấn rác, làm biển ô nhiễm, tôm cá chết dần nên ông Biển phải đi tìm người giúp đỡ.</p> <p>+ Ông Biển vui trở lại vì thấy các bạn thiếu nhi mang; theo những chiếc bao to nhặt rác. Qua hành động của các bạn nhỏ, ông hi vọng con người đã hiểu vai trò của biển và sẽ không xả rác xuống biển nữa.</p>
<p style="text-align: center;">Em nghĩ về Trái Đất (Trích)</p> 	
<p>- Cho HS đọc tên bài thơ, quan sát và nói về tranh minh họa: Tranh vẽ ai, cảnh gì?</p> <p>- Nhận xét, tuyên dương, dẫn vào bài thơ.</p>	<p>- Tranh vẽ các bạn nhỏ đang chơi đùa cùng nhau rất vui vẻ.....</p>
<p>2. Khám phá.</p>	

- Mục tiêu:
- + HS đọc thành tiếng trôi chảy bài thơ. Phát âm đúng các từ ngữ dễ viết sai: trên, trắng, lưng, nắng, lung linh, loài người, màu,...
- + Ngắt nghỉ hơi đúng giữa các dòng thơ, khổ thơ.
- + Hiểu nghĩa các từ ngữ trong bài. Hiểu ý nghĩa của bài thơ: Thể hiện mong muốn cuộc sống hoà bình, hữu nghị trên Trái Đất.
- + Hiểu và biết bày tỏ sự yêu thích với một số từ ngữ hay, hình ảnh đẹp.
- + Biết chia sẻ với mong muốn của tác giả bài thơ.
- Cách tiến hành:

2.1. Hoạt động 1: Đọc thành tiếng.

- | | |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none">- Đọc mẫu: Đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm...- HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ.- Gọi 1 HS đọc toàn bài.- Chia khổ: (4 khổ)+ Khổ 1: Từ đầu đến <i>con của đất</i>.+ Khổ 2: Tiếp theo cho đến <i>thăm thẳm</i>.+ Khổ 3: Tiếp theo cho đến <i>thơm mãi</i>.+ Khổ 4: Khổ thơ còn lại.- gọi HS đọc nối tiếp theo đoạn.- Luyện đọc từ khó: trên, trắng, lưng, nắng, lung linh, loài người, màu,...- Luyện đọc câu dài:
Cho năm châu hội ngộ/
Trong tình thương loài người/
Và cho khắp mọi nơi/
Là nhà bồ câu trắng.//- Luyện đọc khổ thơ: tổ chức cho HS luyện đọc khổ thơ theo nhóm 4.- Nhận xét các nhóm. | <ul style="list-style-type: none">- HS lắng nghe.- HS lắng nghe cách đọc.- 1 HS đọc bài.- HS quan sát- HS đọc nối tiếp theo khổ thơ.- HS đọc từ khó.- 2-3 HS đọc câu dài.- HS đọc từ ngữ:<ul style="list-style-type: none">+ Lung linh: Từ gợi tả về lay động, rung rinh của vật có ánh sáng hoặc phản chiếu ánh sáng.+ Thảo nguyên: Vùng đất bằng rộng lớn, chỉ có cỏ mọc.- HS luyện đọc theo nhóm 4. |
|---|---|

2.2. Hoạt động 2: Đọc hiểu.(Thảo luận nhóm 2)

- Gọi 4 HS tiếp nối nhau đọc 4 CH trong SGK.
- YCHS thảo luận nhóm đôi trả lời các câu hỏi.
- Hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.
- + Câu 1: Hình ảnh Trái Đất ở khổ thơ đầu gợi cho em nghĩ đến những ai?
- + Câu 2: “Những đứa con của đất” có điểm gì riêng và điểm gì chung?
- + Câu 3: Những câu thơ nào thể hiện mong muốn chung của mọi người trên Trái Đất?
- + Câu 4: Em hiểu 2 dòng thơ cuối như thế nào?
- Bài thơ nói lên điều gì?
- Mời HS nêu nội dung bài.
- => Nội dung: *Bài thơ nói lên mong muốn các dân tộc trên Trái Đất có cuộc sống hoà bình, hữu nghị.*

- HS đọc
- HS làm việc theo nhóm
- Các nhóm báo cáo kết quả:
- + Nghĩ đến một người mẹ cồng trên lưng những đứa con của mình.
- + Điểm riêng: màu da.
- + Điểm chung: nụ cười hạnh phúc, mong muốn được sống trong hoà bình, hữu nghị.
- + Hãy giữ được bình yên /
Cho hoa thơm thơm mãi /
Cho năm châu hội ngộ /
Trong tình thương loài người/
Và cho khắp mọi nơi /
Là nhà bồ câu trắng.
- + Hai dòng thơ cuối nói lên mong muốn hoà bình vì chim bồ câu tượng trưng cho hoà bình
- + HS trả lời theo ý hiểu.
- HS nêu theo hiểu biết của mình.
- 2-3 HS nhắc lại.

3. Hoạt động luyện tập

- Mục tiêu:
- + Hiểu được tác dụng của các từ hĩa, mong, đừng.
- + Vận dụng để đặt được câu khiến với mỗi từ đó.
- + Hiểu và biết bày tỏ sự yêu thích với một số từ ngữ hay, hình ảnh đẹp.
- + Phát triển năng lực ngôn ngữ; văn học
- Cách tiến hành:

Bài tập 1: Các từ hĩa, mong, đừng thể hiện điều gì?

- Yêu cầu HS đọc đề bài.
- Giao nhiệm vụ làm việc nhóm 2

- 1-2 HS đọc yêu cầu bài.

<ul style="list-style-type: none">- Mời đại diện nhóm trình bày. - Mời các nhóm nhận xét.- Nhận xét tuyên dương. <p>Bài tập 2: Hãy đặt câu với mỗi từ trên để thể hiện mong muốn của em về những điều cần làm cho cuộc sống trên Trái Đất tốt đẹp hơn.</p> <ul style="list-style-type: none">- Yêu cầu HS đọc đề bài.- Giao nhiệm vụ làm việc chung cả lớp - Mời HS trình bày. - Mời HS khác nhận xét.- Nhận xét tuyên dương	<ul style="list-style-type: none">- HS làm việc nhóm 2, thảo luận và trả lời câu hỏi.- Đại diện nhóm trình bày: Các từ hãy, mong, đừng thể hiện sự mong muốn, thỉnh cầu, thể hiện nguyện vọng, mong ước một điều gì đấy.- HS nhận xét, bổ sung. - 1-2 HS đọc yêu cầu bài.- HS làm việc chung cả lớp: Em tự liên hệ bản thân và đặt câu thể hiện mong muốn của mình.- Nói tiếp mỗi HS đặt 1 câu trình bày trước lớp. <p>VD:</p> <ul style="list-style-type: none">- Hãy chung tay bảo vệ môi trường.- Mong rằng khắp nơi trên trái đất đều được hòa bình.- Đừng gây ô nhiễm môi trường.
<p>4. Vận dụng.</p> <ul style="list-style-type: none">- Mục tiêu:<ul style="list-style-type: none">+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, sau khi học xong bài học.+ Phát triển năng lực ngôn ngữ.- Cách tiến hành:	
<ul style="list-style-type: none">- Tổ chức vận dụng để củng cố kiến thức và vận dụng bài học vào thực tiễn cho học sinh.+ Cho HS xem video hoặc hình ảnh về các cảnh đẹp, môi trường bị ô nhiễm, chiến tranh, dịch bệnh.....	<ul style="list-style-type: none">- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

+ Em có suy nghĩ gì sau khi xem video (hình ảnh)? + Em cần làm gì để bảo vệ trái đất của chúng ta luôn xanh – sạch – đẹp..... - Nhận xét, tuyên dương - Nhận xét tiết học, đặt dò bài về nhà.	+ Trả lời theo ý hiểu của mình. - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.
--	--

TIẾNG VIỆT

Nhớ – Viết: **MỘT MÁI NHÀ CHUNG (Tiết 3)**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

– Nhớ – viết đúng chính tả 4 khổ thơ đầu bài thơ Một mái nhà chung. Trình bày đúng bài thơ 4 chữ.

- Làm đúng BT điền các vần au / âu hoặc au / ao.

1.2. Phát triển năng lực văn học:

- Cảm nhận được cái hay, cái đẹp của những câu thơ trong các bài tập chính tả.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập: nhớ – viết, chọn bài tập chính tả phù hợp với yêu cầu khắc phục lỗi của bản thân, biết sửa lỗi chính tả,...

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia làm việc trong nhóm để trar lời câu hỏi trong bài.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Góp phần bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên, tình hữu nghị qua nội dung các bài tập chính tả.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ viết bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động. - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.	

<p>+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.</p>	
<p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- Tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Chọn nhanh thẻ từ: l hay n gắn vào ô trống trên bảng. - Nhận xét, tuyên dương. - Dẫn dắt vào bài mới</p>	<p>- HS tham gia trò chơi. + Trả lời: Chữ l hay n? Lúa nếp là lúa nếp làng, lúa lên lớp lớp lòng nàng lâng lâng. HS lắng nghe.</p>
<p>2. Khám phá. Mục tiêu: + Nhớ – viết đúng chính tả 4 khổ thơ đầu bài thơ Một mái nhà chung. Trình bày đúng bài thơ 4 chữ. + Làm đúng BT điền các vần au / âu hoặc au / ao. + Cảm nhận được cái hay, cái đẹp của những câu thơ trong các bài tập chính tả. - Cách tiến hành:</p>	
<p>2.1. Hoạt động 1: Nhớ – Viết. * Chuẩn bị - Nêu nhiệm vụ và đọc mẫu 4 khổ thơ đầu của bài thơ Một mái nhà chung. - Mời HS đọc đoạn viết - YCHS lớp nhắm đọc thuộc lòng 4 khổ thơ. - HDHS viết từ khó dễ viết sai chính tả: Lòng đất, rập rình, dím..... - Hướng dẫn cách viết bài: + Tên bài có 4 tiếng, viết chữ đầu cách lề 4 ô li. + Mỗi dòng khổ thơ có 4 dòng. Mỗi dòng thơ có 4 tiếng; viết chữ đầu cách lề 4 ô li. + Viết hoa tên bài và các chữ đầu dòng. *Viết bài. - Giữ yên lặng cho HS viết bài. * Sửa bài – Đọc lại 1 lượt toàn bộ bài chính tả cho HS rà soát. - Chữa 5 – 7 bài. Có thể chiếu bài của HS lên bảng lớp để cả lớp quan sát, nhận xét về: nội dung, chữ viết, cách trình bày của bài viết</p>	<p>- HS lắng nghe. - 1-2 HS đọc lại - HS lắng nghe. - HS lắng nghe. - HS viết bài vào vở - HS nghe, soát bài. - HS tự sửa lỗi (gạch chân từ viết sai, viết từ đúng bằng bút chì ra lề vở hoặc cuối bài chính tả)</p>

- Nhận xét chung.

2.2. Hoạt động 2: Làm BT lựa chọn

Bài tập 2: Chọn vần phù hợp với ô trống.

2a. Chọn vần au hay âu?

- Mời HS nêu yêu cầu.

- Viết nội dung bài tập lên bảng (2 lần); mời 2 nhóm (mỗi nhóm 5 HS) lên bảng làm bài tập theo hình thức thi tiếp sức. HS cuối cùng đọc kết quả của cả nhóm.

- Cả lớp và bình chọn nhóm thắng trong cuộc thi.

- Cả lớp đọc lại 4 dòng thơ đã hoàn chỉnh; sửa bài theo đáp án đúng

- Nhận xét, tuyên dương, bổ sung.

Bài tập 3: Chọn tiếng trong ngoặc đơn phù hợp với ô trống:

3a. Chọn tiếng có vần au hay âu?

- Mời HS nêu yêu cầu.

- Viết nội dung bài tập lên bảng (2 lần); mời 2 nhóm (mỗi nhóm 5 HS) lên bảng làm bài tập theo hình thức thi tiếp sức. HS cuối cùng đọc kết quả của cả nhóm.

- Cả lớp và bình chọn nhóm thắng trong cuộc thi.

- Nhận xét, tuyên dương, bổ sung.

3. Vận dụng.

- Mục tiêu:

+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, sau khi học xong bài học.

+ Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Cách tiến hành:

- 1 HS đọc YC của BT và các dòng thơ

- Cả lớp làm bài vào vở Luyện viết 3.

Đáp án: tàu, tàu, màu, màu, cầu.

- Các nhóm nhận xét.

- 1 HS đọc YC của BT và các dòng thơ

- Cả lớp làm bài vào vở Luyện viết 3.

Đáp án: nhà lâu, thuộc lâu; màu nhiệm, màu sắc.

<ul style="list-style-type: none"> - Em hiểu ngôi nhà chung của muôn loài dưới mái nhà ấy là gì? - Là một học sinh em cần làm gì để ngôi nhà chung của chúng ta ngày càng tươi đẹp hơn. - Nhận xét, đánh giá tiết dạy. 	<ul style="list-style-type: none"> - Em hiểu ngôi nhà chung của muôn loài dưới mái nhà ấy là trái đất. - Bảo vệ môi trường, giữ gìn nguồn nước, giảm khí thải, tiết kiệm nước, tiết kiệm điện....
---	---

TIẾNG VIỆT

CHỦ ĐIỂM: TRÁI ĐẤT CỦA EM

LUYỆN NÓI VÀ NGHE

TRAO ĐỔI: EM ĐỌC SÁCH BÁO

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

- Nhớ nội dung, kể hoặc đọc lại được câu chuyện (bài thơ, bài văn) đã đọc ở nhà về môi trường, bảo vệ môi trường.

- Lắng nghe bạn kể (đọc), biết nhận xét, đánh giá lời kể (giọng đọc) của bạn.

- Biết trao đổi cùng các bạn về câu chuyện (bài thơ, bài văn).

1.2. Phát triển năng lực văn học:

- Biết bày tỏ sự yêu thích các chi tiết thú vị trong câu chuyện.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết kể chuyện (đọc bài thơ, bài văn), biết trao đổi cùng các bạn một cách chủ động, tự nhiên, tự tin.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia đọc trong nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương, đất nước qua bài thơ.

- Phẩm chất nhân ái: Biết đoàn kết, yêu thương nhau.

- Phẩm chất chăm chỉ: Rèn luyện thói quen tự đọc sách.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. <li style="padding-left: 20px;">+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - Cho HS hát và vận động theo bài hát “Trái đất này là của chúng mình” <p>Trong tiết luyện nói hôm nay, các em sẽ kể hoặc đọc lại một câu chuyện (bài thơ, bài văn) các em đã đọc về Trái Đất hoặc về con người với thiên nhiên. Sau đó, chúng ta sẽ cùng trao đổi về câu chuyện hoặc bài thơ, bài văn mà các em đã kể (đọc) lại và được nghe bạn kể (đọc) lại.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS hát và vận động theo nhạc - HS lắng nghe.
<p>2. Luyện tập.</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhớ nội dung, kể hoặc đọc lại được câu chuyện (bài thơ, bài văn) đã đọc ở nhà môi trường, bảo vệ môi trường. - Lắng nghe bạn kể (đọc), biết nhận xét, đánh giá lời kể (giọng đọc) của bạn. - Biết trao đổi cùng các bạn về câu chuyện (bài thơ, bài văn). - Biết bày tỏ sự yêu thích các chi tiết thú vị trong câu chuyện. <p>Cách tiến hành:</p>	
<p><i><u>Bài tập 1:</u> Kể hoặc đọc lại một câu chuyện (bài thơ, bài văn) em đã đọc về Trái Đất hoặc về con người với thiên nhiên.</i></p> <p>a) Giới thiệu câu chuyện (bài thơ, bài văn) sẽ kể (đọc).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mời một số HS cho biết các em sẽ kể chuyện gì (đọc bài thơ, bài văn gì) - H/d HS các câu chuyện, bài thơ, bài văn phải nói về môi trường, bảo vệ môi trường, hay nói rộng ra là về con người với thiên nhiên. - Giới thiệu câu chuyện trong SGK: Chú sẻ và bông hoa bằng lăng. Đây là câu chuyện rất thú vị của nhà văn Phạm Hồ về tình bạn giữa chú sẻ, bông hoa bằng lăng và một bạn nhỏ tên là Thơ. Các em có thể đọc và kể lại câu chuyện này. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu. - HS giới thiệu câu chuyện của mình.



b) Kể chuyện (đọc bài thơ, bài văn) và trao đổi trong nhóm

- YC HS trao đổi trong nhóm đôi. Những HS chưa chuẩn bị được câu chuyện (bài thơ, bài văn) để kể (đọc) có thể tự đọc và kể lại câu chuyện trong SGK.
- Theo dõi, giúp đỡ HS trao đổi; khuyến khích các em trao đổi về câu chuyện, nhân vật trong câu chuyện.

- HS trao đổi trong nhóm đôi

c) Kể chuyện (đọc bài thơ, bài văn) và trao đổi trước lớp

- Mời một số HS kể (đọc) trước lớp. Cố gắng sắp xếp để phần trình bày của các em có cả truyện, thơ (hoặc văn bản thông tin, văn bản miêu tả). HS có thể kể chuyện Chú sẻ và bông hoa bằng lăng.
- Động viên HS kể; cho phép các em nhìn sách khi không nhớ một số chi tiết.
- Sau mỗi câu chuyện (bài thơ, bài văn), mời HS trong lớp đặt câu hỏi nếu có chi tiết các em chưa rõ và hướng dẫn các em trao đổi về câu chuyện, nhân vật trong câu chuyện (nội dung bài thơ, bài văn). VD, trao đổi về câu chuyện Chú sẻ và bông hoa bằng lăng:
 - + Bằng lăng để dành bông hoa cuối cùng cho ai?
 - + Sẻ non đã làm gì để giúp đỡ hai bạn của mình?
 - + Vì sao bé Thơ rất vui khi nhìn thấy bông hoa?
 - + Mỗi bạn của bé Thơ có điều gì đáng yêu?
- Nhận xét, khen ngợi, biểu dương HS.

- HS kể (đọc) trước lớp.

Bài tập 2: Trao đổi với các bạn về nội dung câu chuyện (bài thơ, bài văn).

<ul style="list-style-type: none">- YCHS thảo luận nhóm 2 về nội dung câu chuyện.- Hướng dẫn HS lựa chọn bài đọc mà em ấn tượng ở câu 1 sau đó liên hệ bản thân để nói lên cảm nghĩ của mình.- Nhận xét, động viên, khen ngợi HS.	<ul style="list-style-type: none">- HS đọc yêu cầu.- HS trao đổi trong nhóm đôi theo gợi ý trong SGK.- Một số HS xung phong phát biểu; các HS khác nêu ý kiến.
<p>3. Vận dụng.</p> <ul style="list-style-type: none">- Mục tiêu:+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng sau khi học xong bài học.- Cách tiến hành:	
<ul style="list-style-type: none">- Đọc hoặc cho HS xem video bài thơ “Bài ca về trái đất”- Trong bài thơ, em thích chi tiết nào? Vì sao?=> Kết luận: Bài thơ là khung cảnh một Trái Đất tươi đẹp, ở đó, cảnh vật thật bình yên, con người đoàn kết, yêu thương nhau. Tác giả khẳng định Trái Đất là của chúng ta, chính vì vậy, chúng ta cần phải có trách nhiệm bảo vệ Trái Đất.- Nhận xét, tuyên dương.	<ul style="list-style-type: none">- HS trả lời theo ý hiểu- Lắng nghe, rút kinh nghiệm.

TIẾNG VIỆT

CHỦ ĐIỂM: TRÁI ĐẤT CỦA EM

BÀI ĐỌC 4: NHỮNG BẠC ĐÁ CHẠM MÂY. (Tiết 1+2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù.

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

- Đọc trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh HS dễ viết sai: Hồng Lĩnh, yên lành, lên núi, lắc đầu, năm lần, ... Ngắt nghỉ hơi đúng giữa các cụm từ, các câu.

- Hiểu nghĩa các từ ngữ trong bài đọc, VD: cỏ, đảm đương, truong, núi Hồng Lĩnh,.. Trả lời được các câu hỏi về nội dung bài đọc.

- Hiểu ý nghĩa của bài đọc: giải thích sự ra đời và tên gọi của Trùng Ghép; ca ngợi ý chí, lòng quyết tâm và tấm lòng vì cộng đồng của cố Đương. Đây còn là bài học ý nghĩa về việc con người biết dựa vào thiên nhiên và cải tạo thiên nhiên để có cuộc sống tốt.

- Biết sử dụng câu hỏi Vì sao? Để hỏi đáp với bạn.
- Biết đặt câu cảm.

1.2. Phát triển năng lực văn học

- Biết bày tỏ sự yêu thích những chi tiết thú vị và những hình ảnh đẹp trong bài đọc.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập: trả lời CH đọc hiểu, làm BT về tiếng Việt,...
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia đọc trong nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương, đất nước, con người Việt Nam.
- Phẩm chất nhân ái: Biết nghĩ đến mọi người; biết ơn những người có công với nhân dân.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ đọc bài, trả lời câu hỏi.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

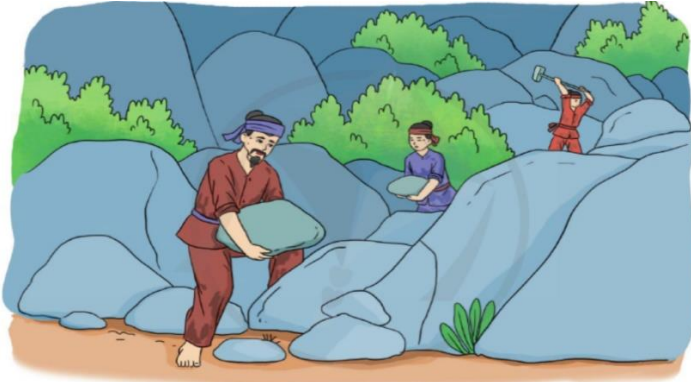
- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học ở bài đọc trước. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức trò chơi “Hộp quà bí mật”. - Hướng dẫn cách chơi, luật chơi. + Câu 1: Đọc bài thơ Một mái nhà chung khổ thơ 1;2. + Câu 2: Đọc bài thơ Một mái nhà chung khổ thơ 3;4. + Câu 3: Mái nhà chung của muôn loài là gì? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi + Là bầu trời xanh / Là bầu trời xanh bao la.

+ Câu 4: Em hiểu ngôi nhà chung của muôn loài dưới mái nhà ấy là gì?

- Nhận xét, tuyên dương.
- Cho HS quan sát tranh minh họa.



+ Tranh vẽ gì?

- Bài đọc hôm nay của các em có tên là Những bậc đá chạm mây. Vì sao câu chuyện lại có tên như vậy? Câu chuyện nói đến ai? Các em cùng đọc bài để tìm câu trả lời.

+ Là Trái Đất

- HS quan sát tranh minh họa.

- HS trả lời theo ý hiểu.

- HS lắng nghe.

2. Khám phá.

Mục tiêu:

- Đọc trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh HS dễ viết sai: Hồng Lĩnh, yên lành, lên núi, lắc đầu, năm lần, Ngắt nghỉ hơi đúng giữa các cụm từ, các câu.

- Hiểu nghĩa các từ ngữ trong bài đọc. Trả lời được các câu hỏi về nội dung bài.

- Hiểu ý nghĩa của bài đọc: giải thích sự ra đời và tên gọi của Trùng Ghép; ca ngợi ý chí, lòng quyết tâm và tấm lòng vì cộng đồng của cố Đương. Đây còn là bài học ý nghĩa về việc con người biết dựa vào thiên nhiên và cải tạo thiên nhiên để có cuộc sống tốt.

Cách tiến hành:

2.1. Hoạt động 1: Đọc thành tiếng.

- Đọc mẫu: Đọc diễn cảm toàn bài.
- HD đọc: Đọc diễn cảm toàn bài. Giọng thông thả, chậm rãi. Nhấn giọng các từ gợi tả, gợi cảm.
- Gọi 1 HS đọc toàn bài.
- Chia đoạn: (4 đoạn)
- + Đoạn 1: Từ đầu đến *rất xa*.
- + Đoạn 2: Tiếp theo cho đến *không làm được*.
- + Đoạn 3: Tiếp theo cho đến *làm cùng*.

- HS lắng nghe.

- HS lắng nghe cách đọc.

- 1 HS đọc toàn bài.

- HS quan sát

+ Đoạn 4: Còn lại

- Gọi HS đọc nối tiếp theo đoạn.

- Luyện đọc từ khó: *Hồng Lĩnh, yên lành, lên núi, lắc đầu, năm lần, ...*

- Luyện đọc câu: *Thấy lên núi phải đi đường vòng./ ông bàn với mọi người ghép đá thành bậc thang vượt dốc/ để có được con đường ngắn như mong muốn.//*

- YCHS đọc chú giải

- Luyện đọc đoạn: tổ chức cho HS luyện đọc đoạn theo nhóm 4.

- Nhận xét các nhóm.

2.2. Hoạt động 2: Đọc hiểu.

- Gọi HS đọc và trả lời lần lượt 4 câu hỏi trong sgk. nhận xét, tuyên dương.

- YCHS thảo luận nhóm 4 trả lời các câu hỏi.

- Hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.

- Tổ chức cho HS chơi trò chơi “Phỏng vấn”

+ HD cách chơi, luật chơi.

+ Câu 1: Người dân xóm chài gặp phải những khó khăn gì?

- HS đọc nối tiếp theo đoạn.

- HS đọc từ khó.

- 2-3 HS đọc câu.

- HS đọc từ ngữ:

+ Có: Từ dùng để gọi người già một cách kính trọng.

+ Đảm đương: Nhận lấy công việc khó khăn hoặc quan trọng, làm hết sức với ý thức trách nhiệm cao.

+ Trông: Con đường hiểm trở qua rừng núi

+ Núi Hồng Lĩnh: Một dãy núi thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

- HS luyện đọc theo nhóm 4.

- HS thảo luận nhóm 4

- HS trả lời lần lượt các câu hỏi:

+ Một cơn bão khủng khiếp đã cuốn đi tất cả thuyền bè khiến người dân hết đường sinh sống phải lên núi kiếm củi để bán. Nhưng sườn núi phía xóm chài dựng đứng, mọi người muốn lên

+ Câu 2: Cổ Đương đã làm gì để giúp bà con trong xóm?

+ Câu 3: Những chi tiết nào nói lên quyết tâm và lòng kiên trì của cổ Đương?

+ Câu 4: Qua câu chuyện, em thấy cổ Đương và người dân xóm chài đã chọn cách ứng xử như thế nào với thiên nhiên?

- Mời HS nêu nội dung bài.

=> Nội dung: ***Ca ngợi ý chí, lòng quyết tâm và tấm lòng vì cộng đồng của cổ Đương. Đây còn là bài học ý nghĩa về việc con người biết dựa vào thiên nhiên và cải tạo thiên nhiên để có cuộc sống tốt.***

núi kiếm củi phải đi đường vòng rất xa.

+ Ông ghép đá thành bậc thang vượt dốc để có con đường ngắn nhất lên đỉnh núi, giúp người dân lên xuống núi được dễ dàng.

+ Ông chủ động bàn với mọi người về việc ghép đá thành đường lên núi. Mặc mọi người bảo việc ghép đá thành đường lên núi không thể làm được nhưng ông vẫn quyết làm. Công việc nặng nhọc không khiến ông sờn lòng. Ông kiên trì làm con đường suốt năm lần sim có quả (5 năm) cho đến khi con đường lên núi hoàn thành..

+ Ý c đúng: Vừa dựa vào thiên nhiên vừa cải tạo thiên nhiên.

- 1-2 HS nêu nội dung bài theo hiểu biết.

- HS đọc lại nội dung bài.

3. Hoạt động luyện tập

- Mục tiêu:

- Biết sử dụng câu hỏi Vì sao? để hỏi, đáp với bạn.

- Biết đặt câu cảm để thể hiện, bày tỏ cảm xúc của bản thân.

+ Phát triển năng lực ngôn ngữ, văn học.

- Cách tiến hành:

Bài tập 1: Sử dụng câu hỏi Vì sao? hỏi, đáp với bạn (Thảo luận nhóm 2)

- Yêu cầu HS đọc đề bài bài tập 1

- Giao nhiệm vụ HS trao đổi nhóm đôi.

- 1-2 HS đọc yêu cầu bài.

- HS trao đổi nhóm đôi, HS 1 hỏi, HS 2 trả lời, sau đó đổi vai.

- Mời đại diện nhóm trình bày.

- Nhận xét tuyên dương.

Bài tập 2: Dựa vào nội dung câu chuyện, hãy nói:

- Yêu cầu HS đọc đề bài.
- Giao nhiệm vụ làm việc chung cả lớp, (cá nhân - chia sẻ nhóm 2 - chia sẻ trước lớp)
- Mời HS trình bày.

- Mời HS khác nhận xét.
- Nhận xét tuyên dương.

4. Vận dụng.

- Mục tiêu:
- + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

- Một số nhóm báo cáo kết quả bằng hình thức hỏi – đáp

+ HS 1: Vì sao người ta gọi ông lão là cố Đương?

HS 2: Người ta gọi ông lão là Cố Đương vì hễ gặp việc gì khó, ông đều đảm đương gánh vác.

+ HS 2: Vì sao dân làng tặng ông thêm một tên mới là cố Ghép?

HS 1: Dân làng tặng ông thêm một tên mới là cố Ghép vì họ biết ơn ông đã ghép đá thành đường cho mọi người lên xuống núi dễ dàng hơn.

- 1-2 HS đọc yêu cầu bài.

- HS làm bài vào VBT.

- HS nối tiếp đặt câu:

VD:

a) Ca ngợi con đường lên núi của cố Đương:

Con đường này đẹp và chắc chắn quá! /

Con đường này ngắn quá! /

Con đường này dễ đi lắm! /...

b) Ca ngợi ý chí của cố Đương: Cố Đương thật bền gan! /

Ý chí của cố Đương thật là mạnh mẽ! /

Ý chí của cố Đương đáng khâm phục quá! /.....

- HS nhận xét.

<p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, sau khi học xong bài học. + Phát triển năng lực ngôn ngữ, văn học - Cách tiến hành:</p>	
<p>- Tổ chức vận dụng để củng cố kiến thức và vận dụng bài học vào thực tiễn cho học sinh. + Cho HS chơi trò chơi “Thi tiếp sức”. Cả lớp chia thành hai đội mỗi đội cử 3 HS Hãy viết 3 câu thành ngữ, tục ngữ nói về tinh thần đoàn kết, yêu thương giúp đỡ lẫn nhau....</p>	<p>- HS tham gia chơi. HS dưới lớp làm trọng tài. Đội nào viết đúng và nhanh nhất là đội thắng cuộc. VD: 1) Một cây làm chẳng lên non Ba cây chụm lại lên non núi cao 2) Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ 3) Bầu ơi thương lấy bí cùng Tuy rằng khác giống nhưng.....</p>
<p>- Nhận xét, tuyên dương - Nhận xét tiết học, đặt dò bài về nhà.</p>	<p>- Lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>

TIẾNG VIỆT

CHỦ ĐIỂM: TRÁI ĐẤT CỦA EM

GÓC SÁNG TẠO: TRÁI ĐẤT THÂN YÊU

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

- Biết viết một đoạn văn về bảo vệ môi trường theo gợi ý từ một bức tranh. Chữ viết rõ ràng, mắc ít lỗi chính tả, ngữ pháp.

1.2. Phát triển năng lực văn học

Biết chọn một số thông tin nổi bật để viết; viết có cảm xúc.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập: chọn đề bài, viết đoạn văn.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tham gia trò chơi, biết vận dụng những điều đã học để viết được một đoạn văn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của bản thân

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ viết bài, trả lời câu hỏi.
- Phẩm chất trách nhiệm: Thể hiện hiểu biết và ý thức bảo vệ môi trường phù hợp với lứa tuổi.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - Trả bài viết 2 (Bài 17): Viết đoạn văn nêu suy nghĩ về việc giữ sạch nguồn nước hoặc về tiết kiệm nước sạch. - Biểu dương những HS có câu văn, đoạn văn hay. Nêu những điều HS cần rút kinh nghiệm. - Nhận xét, tuyên dương <p>Cô vừa trả các em bài viết nêu suy nghĩ về việc giữ sạch nguồn nước hoặc tiết kiệm nước. Hôm nay, các em sẽ viết một đoạn văn về bảo vệ môi trường theo gợi ý từ một bức tranh. Các em có thể kể về hoạt động của mọi người trong tranh hoặc đóng vai ông Biển, cái vòi nước, cái cây, cái thùng rác khen ngợi những việc làm tốt hoặc than phiền về những việc làm sai trái, khuyên mọi người giữ gìn vệ sinh chung và tiết kiệm nước. Chúng ta sẽ xem trong giờ học hôm nay, bạn nào có những đoạn văn hay, ấn tượng nhé.</p>	<p>- 1 - 2 HS đọc lại bài viết hay.</p>
<p>2. Khám phá.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: <ul style="list-style-type: none"> + Biết viết một đoạn văn về bảo vệ môi trường theo gợi ý từ một bức tranh. Chữ viết rõ ràng, mắc ít lỗi chính tả, ngữ pháp. + Biết chọn một số thông tin nổi bật để viết; viết có cảm xúc. - Cách tiến hành: 	
<p>Hoạt động 1: Chuẩn bị viết bài.</p>	

Viết một đoạn văn theo đề tài được gọi ra từ một trong các bức tranh dưới đây. Giới thiệu và bình chọn các đoạn văn hay.

- Mời HS đọc yêu cầu bài.
- Yêu cầu 4 HS nối tiếp nhau nêu những điều được thể hiện ở từng bức tranh.



- Nhận xét, bổ sung.
- HS thảo luận nhóm đôi về cách viết.
 - + Em sẽ chọn đề nào?
 - + Em sẽ viết những gì?
 - + Viết như thế nào?
- Mời các nhóm trình bày.
- Mời các nhóm khác nhận xét, trao đổi.
- Nhận xét, bổ sung.

- 1-2 HS đọc yêu cầu bài. Cả lớp đọc thầm theo.
- HS nối tiếp nhau nêu những điều được thể hiện ở từng bức tranh.

- Đại diện các nhóm trình bày.
- Các nhóm khác nhận xét, trao đổi thêm

3. Luyện tập.

- Mục tiêu:
 - + Biết viết một đoạn văn về bảo vệ môi trường theo gợi ý từ một bức tranh. Chữ viết rõ ràng, mắc ít lỗi chính tả, ngữ pháp.
 - + Biết chọn một số thông tin nổi bật để viết; viết có cảm xúc.
- Cách tiến hành:

Bài tập 1. Viết một đoạn văn theo đề tài.

- Mời HS viết vào vở ôli.
 - Theo dõi, giúp đỡ các em viết bài.
- VD: Đầu xuân vừa rồi, cả xóm em ai cũng vui vẻ tham gia Tết trồng cây do Bác Hồ phát động. Mới sáng ra, ai cũng vội vàng, tất bật tìm cho dụng cụ

- HS viết bài vào vở ôli.

trồng cây , tề tựu về sân nhà văn hóa. Sau khi nghe lễ phát động của thôn trưởng, mỗi người nhận lấy một cây giống cho mình đem về trồng. Nhà nhà thi đua trồng cây, chăm sóc cây tốt. Chỉ mấy tháng sau, những cây bà con trồng đã tốt tươi. Em nghĩ chỉ vài năm nữa thôi, cả quê em có một màu xanh trù phú.

Bài tập 2. Giới thiệu và bình chọn đoạn văn hay.

- Mời một số HS đọc kết quả bài làm của mình trước lớp.
- Mời HS nhận xét
- Nhận xét, tuyên dương.
- Thu một số bài chấm và nhận xét chung.

- 1-3 HS đọc bài viết của mình trước lớp
- Các HS khác nhận xét
- HS nộp vở để chấm bài.

4. Vận dụng.

- Mục tiêu:
 - + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
 - + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
 - + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học xong bài học.
 - + Phát triển năng lực ngôn ngữ, văn học.
- Cách tiến hành:

- YCHS viết tiếp nội dung phù hợp vào chỗ trống để hoàn thiện bảng Tự đánh giá trong VBT; đánh dấu V cho những việc mình đã biết hoặc đã làm được.

- HS thực hiện theo yêu cầu.
- Cùng trao đổi với về những việc mình đã biết, đã làm được.

Đã biết những gì?	Đã làm được những gì?
a) Ôn các chữ hoa: X, Y	a) ...
b) Từ ngữ về đề tài bảo vệ môi trường	b) Sử dụng ...
c) Câu khiến	c) Nêu lời khuyên, lời đề nghị, mong muốn bằng câu khiến
d) Câu cảm	d) Bày tỏ...
e) Thơ, truyện, thông tin, tranh ảnh về bảo vệ môi trường	e) Nói, viết về bảo vệ môi trường

- Nhận xét, tuyên dương
- Nhận xét tiết học, đặt dò bài về nhà.

- Lắng nghe, rút kinh nghiệm.

LUYỆN VIẾT BÀI 29

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Ôn luyện cách viết đoạn văn ứng dụng
- Viết đúng câu đoạn văn ứng dụng:
- Hiểu ý nghĩa nội dung chính của đoạn văn .

2.1: Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, luyện tập viết đúng, đẹp và hoàn thành.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết Nhận xét, trao đổi về cách viết các chữ hoa.

2.2. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ luyện viết, rèn tính cẩn thận, óc thẩm mỹ khi viết chữ.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Mở đầu; 2-3p - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
* Khởi động: - Tổ chức cho hs hát bài: Chữ đẹp thì nét càng ngoan. + Nhận xét, tuyên dương. * Kết nối - Dẫn dắt vào bài mới	- HS hát cả lớp - HS lắng nghe.
2. Hình thành kiến thức mới. :13-15p - Mục tiêu: + Ôn luyện cách viết đoạn văn ứng dụng. - Cách tiến hành:	
* Luyện viết trên bảng con.	

<p>a) Luyện viết chữ hoa.</p> <ul style="list-style-type: none">- Dùng video giới thiệu lại cách viết chữ hoa C, T,S- Mời HS Nhận xét sự khác nhau, giống nhau giữa các chữ- Viết mẫu lên bảng.- Cho HS viết bảng con.- Nhận xét, sửa sai. <p>b) Luyện viết từ khó trong đoạn văn</p> <p>* Viết từ : nâng lên, mềm mại, vui sướng, trầm bổng,</p> <ul style="list-style-type: none">- Hướng dẫn viết.- Mời HS luyện viết các từ khó vào vở nháp.- Nhận xét, sửa sai	<ul style="list-style-type: none">- HS quan sát lần 1 qua video.- HS quan sát, Nhận xét so sánh.- HS quan sát lần 2.- HS viết vào bảng con chữ hoa C,T,S- HS viết vở nháp- HS viết một số từ khó, chữ viết hoa vào vở nháp.- HS lắng nghe.
<p>3. Luyện tập: Luyện viết bài 27 trong vở luyện viết; 13-15p</p> <ul style="list-style-type: none">- Mục tiêu:+ Ôn luyện cách viết chữ hoa C, T,S cỡ nhỏ trong vở luyện viết 3.+ Viết câu và đoạn thơ ứng dụng trong vở luyện viết bài 27.- Cách tiến hành:	
<ul style="list-style-type: none">- Mời HS mở vở luyện viết 3 để viết các nội dung:+ Luyện viết chữ C.T.S++ Luyện viết bài ứng dụng: <p><i>Tuổi thơ của tôi được nâng lên từ những cánh diều. Chiều chiều, trên bãi thả, đám trẻ mục đồng chúng tôi hò hét nhau thả diều thi. Cánh diều mềm mại như cánh bướm. Chúng tôi vui sướng đến phát dại nhìn lên trời. Tiếng sáo diều vi vu trầm bổng. Sáo đơn, rồi sáo kép, sáo bè, ... như gọi thấp xuống những vì sao sớm...</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Theo dõi, giúp đỡ HS hoàn thành nhiệm vụ.- Chấm một số bài, Nhận xét, tuyên dương.	<ul style="list-style-type: none">- HS mở vở luyện viết 3 để thực hành.- HS luyện viết theo hướng dẫn của- Nộp bài- Lắng nghe, rút kinh nghiệm.
<p>4. Vận dụng: 1-2p</p> <ul style="list-style-type: none">- Mục tiêu:+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng sau khi học sinh học.+ Phát triển năng lực ngôn ngữ.	

- Cách tiến hành:	
<ul style="list-style-type: none">- Tổ chức vận dụng để củng cố kiến thức và vận dụng bài học vào thực tiễn cho học sinh.+ HS quan sát một số bài viết đẹp từ những học sinh khác.+ Nêu câu hỏi trao đổi để Nhận xét bài viết và học tập cách viết.- Nhận xét, tuyên dương- Nhận xét tiết học, đặt dò bài về nhà.	<ul style="list-style-type: none">- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.- HS quan sát các bài viết mẫu.+ HS trao đổi, Nhận xét cùng .- Lắng nghe, rút kinh nghiệm.

TIẾNG VIỆT + **ÔN TẬP**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

- Củng cố cho học sinh nắm chắc cách đặt và câu hỏi Vì sao? (Dùng nói để hỏi, trả lời về nguyên nhân).
- Rèn kĩ năng xác định bộ phận trả lời câu hỏi Vì sao? Trả lời đúng câu hỏi Vì sao? trong các bài tập; Biết phối hợp với bạn để ôn lại kiến thức đã học; Đánh giá được bài làm của bạn, của mình.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng những điều đã học để viết được một đoạn văn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của bản thân

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ trong học tập.
- Giáo dục HS yêu Tiếng Việt, vận dụng nói, viết hợp lí.

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:

- : Bài giảng powerpoint

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY -HỌC

1. Khởi động

- Yêu cầu HS cho ví dụ câu văn có bộ phận trả lời câu hỏi Vì sao ?
- Cho HS trao đổi theo nhóm 2 thực hiện các yêu cầu:
Gạch chân bộ phận trả lời câu hỏi Vì sao? trong câu văn đó.
- Bộ phận trả lời câu hỏi Vì sao? thường đứng ở vị trí nào trong câu ?
- Khi đứng đầu câu, bộ phận này thường bắt đầu bằng từ nào và ngăn

- Một vài HS cho ví dụ.
- HS làm bài theo nhóm 2, cử đại diện từng nhóm trả lời theo yêu cầu.
- 1 HS gạch trên bảng lớp.
- + Đứng ở đầu câu hoặc cuối câu.
- + Thường bắt đầu bằng từ *do, vì, tại vì, bởi, ...* và ngăn cách với các bộ phận khác bằng dấu phẩy.

cách với các bộ phận khác bằng dấu gì ?

- Khi đứng ở cuối câu bộ phận này thường nối với các bộ phận khác bằng từ nào ?

* Khuyến khích HS trả lời: Câu hỏi Vì sao thường dùng để hỏi về nội dung gì?

- *Chốt: Đặt và trả lời câu hỏi Vì sao - nói về nguyên nhân; khi đứng đầu câu ngăn cách bằng dấu phẩy.*

2. Luyện tập

Bài 1: Gạch dưới bộ phận trả lời cho câu hỏi vì sao?

- Trẻ em thích đi xem hội vì được biết nhiều điều lạ và ở đó rất vui.
- Thủ môn của đội bóng đá 3B không ra sân vì bị đau chân.
- Chúng tôi rất thích đi dã ngoại vì đi dã ngoại được biết rất nhiều điều thú vị .

- Gọi HS nhận xét, chữa bài.

- Bộ phận trả lời câu hỏi *Vì sao?* nêu ý gì?

- *Chốt: Tác dụng của bộ phận trả lời câu hỏi Vì sao?*

Bài 2: Dùng câu hỏi *Vì sao?* (hoặc *Do đâu? Tại sao?*) để hỏi cho những bộ phận câu gạch dưới:

- Bạn Hoà và bạn Lê giận nhau chỉ vì một chuyện nhỏ.
 - Các bạn ở vùng sâu phải đi học bằng thuyền vì lũ lớn.
 - Do có nhiều cố gắng trong học tập, Hùng đã được nhận phần thưởng dành cho người tiến bộ nhất trong tháng.
- Gọi HS nhận xét, chữa bài.

- Khi đặt câu hỏi, các từ để hỏi (vì sao, tại sao, do đâu) thường đặt ở vị trí nào trong câu ?

- *Chốt: Cách đặt câu hỏi Vì sao để hỏi về nguyên nhân.*

+ Khi đứng ở cuối câu bộ phận này thường nối với các bộ phận khác bằng các từ *do, vì, tại vì, bởi, ...* (không có dấu phẩy ngăn cách).

+ Hỏi về nguyên nhân.

- Ghi nhớ.

- HS xác định yêu cầu làm bài vào vở.

- Chữa bài trên bảng lớp.

a. Trẻ em thích đi xem hội vì được biết nhiều điều lạ và ở đó rất vui.

b. Thủ môn của đội bóng đá 3B không ra sân vì bị đau chân.

c. Chúng tôi rất thích đi dã ngoại vì đi dã ngoại được biết rất nhiều điều thú vị .

- HS nhận xét, chữa bài.

+ Nêu nguyên nhân, lí do của sự việc được nói đến trong câu.

- Ghi nhớ.

- HS đọc yêu cầu.

- Một số HS làm bài trên bảng lớp.

a) **Tại sao** bạn Hoa và bạn Lê giận nhau ?

b) **Vì sao** các bạn ở vùng sâu phải đi học bằng thuyền ?

c) **Do đâu** Hùng đã được nhận phần thưởng dành cho người tiến bộ nhất trong tháng ?

- HS nhận xét bài trên bảng lớp, HS dưới lớp đối chéo vở kiểm tra bài.

+ Thường đặt ở đầu câu (để nhấn mạnh ý muốn hỏi).

- Ghi nhớ.

- HS xác định yêu cầu.

- HS làm bài cá nhân vào vở.

- 1 số HS nêu câu của mình :

Bài 3: Đặt câu nói về mỗi sự việc sau trong đó có bộ phận trả lời câu hỏi *Vì sao?*

a. Em bé bị ngã.

b. Bạn Hùng được chọn đi thi cờ vua ở trường.

c. Lớp 3A hoãn tổ chức Hội vui học tập.

- Yêu cầu HS làm bài cá nhân vào vở.

* Khuyến khích HS viết nhiều câu khác nhau cho mỗi phần.

- Kiểm tra một số bài, chữa bài.

- Chốt lại các đáp án đúng.

- *Chốt: Cách viết câu có bộ phận trả lời câu hỏi Vì sao? để nói về nguyên nhân.*

3. Vận dụng:

Câu hỏi *Vì sao* thường dùng để hỏi về nội dung gì?

- Nói cho nhau nghe 1-2 câu có câu hỏi *Vì sao?*

- : Nhận xét tuyên dương.

Nhận xét tiết học.

- Dặn HS chuẩn bị bài sau.

a. Em bé bị ngã vì vấp phải viên gạch trên đường.

b. Bạn Hùng được chọn đi thi cờ vua ở trường vì bạn ấy chơi cờ vua giỏi.

c. Lớp 3A hoãn tổ chức Hội vui học tập vì chưa chuẩn bị xong các trò chơi.

- Theo dõi.

- Ghi nhớ.

- HS trình bày

- Hỏi về nguyên nhân

-HS nói theo cặp đôi.

- Đại diện các nhóm báo cáo.

- HS nhận xét bổ sung.

TIẾNG VIỆT + ÔN TẬP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

- HS nắm được cấu tạo và tác dụng của câu cảm, nhận diện được câu cảm.

- Biết đặt và sử dụng câu cảm.

- HS có ý thức sử dụng câu cảm trong cuộc sống hàng ngày.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng những điều đã học để viết được một đoạn văn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của bản thân

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ viết bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Thể hiện hiểu biết và ý thức bảo vệ sự trong sáng của Tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC

- : Bài giảng powerpoint

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

1. Khởi động

- Yêu cầu HS lấy ví dụ về câu cảm.
- Câu cảm là câu dùng để làm gì?

- Trong câu cảm thường có những từ ngữ nào?
- Khi viết cuối câu cảm thường có dấu gì?
- Nhận xét, chốt nội dung về câu cảm.

2. Luyện tập

Bài 1: Đặt câu cảm, trong đó có:

- a/ Một trong các từ: *ôi chao, A, chà* đứng trước.
- b/ Một trong các từ *lắm, quá, thật* đứng cuối câu.
- Cho HS đặt câu vào vở, HS chữa bài.

- Cùng HS nhận xét.
- => *Củng cố cho HS cách đặt câu cảm.*

Bài 2: Chuyển các câu kể sau thành câu cảm:

- a/ Bông hồng này đẹp.
- b/ Gió thổi mạnh.
- c/ Cánh điều bay cao.
- d/ Em bé bụ bẫm.
- Yêu cầu HS làm bài vào vở, chữa bài.

=> *Củng cố cho HS cách chuyển câu kể thành câu cảm.*

Bài 3: Treo bảng phụ

Gạch dưới các từ thể hiện cảm xúc trong mỗi câu sau:

- a, Ôi, tôi đau chân quá!

- HS nối tiếp nhau lấy ví dụ.
- Câu cảm là câu dùng để bộc lộ cảm xúc: vui mừng, thán phục, đau xót, ngạc nhiên... của người nói.
- Trong câu cảm thường có những từ ngữ: *ôi, chao, chà, trời, quá, lắm, thật,...*
- Khi viết cuối câu cảm thường có dấu chấm than.
- Ghi nhớ.

- HS nêu yêu cầu bài tập.
- HS làm bài vào vở, 1 số HS lên bảng đặt câu.
- HS nhận xét, chữa bài trên bảng
- VD: Phần a
- + Ôi chao! bạn có cái áo đẹp thế!
- + A! bông hoa đẹp quá!
- + Chà! con mèo này có bộ lông đẹp thật !
- Phần b:
- + Bông hoa này đẹp thật!
- + Bạn Nga học giỏi thật!
- + Cái áo này đẹp lắm!
- Ghi nhớ.

- HS đọc yêu cầu.
- HS lên bảng thực hiện chuyển câu kể thành câu cảm.
- a/ Ôi ! bông hồng này đẹp quá!
- b/ Trời ơi! Gió thổi mạnh quá!
- c/ Cánh điều bay cao quá!
- d/ Em bé bụ bẫm thật !
- HS làm bài vào vở.
- HS nhận xét, đánh giá.
- Ghi nhớ.

- HS đọc yêu cầu bài tập.

b, Ôi chào, công viên này mới rộng làm sao!

c, Ô, bức tranh đẹp quá!

- Cho HS làm bài theo cặp, trình bày.

- Gọi HS nhận xét, bổ sung.

- Các từ thể hiện cảm xúc thường là những từ nào?

Bài 4: Treo bảng phụ

Nói rõ cảm xúc trong mỗi câu sau:

a, A, mẹ đã về!

b, Ô, cái áo kia trông lạ quá!

c, Khiếp, con sâu ấy trông thật dễ sợ!

- Cho HS làm bài theo cặp, trình bày.

- Gọi HS nhận xét, bổ sung.

=> *Củng cố cho HS về tác dụng của câu cảm.*

3. Vận dụng

- Câu cảm là câu dùng để làm gì?

- Nhận xét tiết học.

- Dẫn HS chuẩn bị bài sau.

- Thảo luận cặp đôi tìm các từ thể hiện cảm xúc.

- HS trình bày.

a, Ôi, tôi đau chân quá!

b, Ôi chào, công viên này mới rộng làm sao!

c, Ô, bức tranh đẹp quá!

- Nhận xét.

- Các từ: ôi, ôi chào, chà, trời, quá, lắm, thật,...

- HS nêu yêu cầu.

- Thảo luận cặp đôi .

- HS trình bày.

a. Thể hiện sự vui mừng.

b. Thể hiện sự ngạc nhiên.

c. Thể hiện sự khiếp sợ.

- HS nhận xét, bổ sung.

- 1 vài HS trả lời.

- Lắng nghe.

- Nhận việc.

TIẾNG VIỆT + **ÔN TẬP**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực

- Thông qua các bài tập củng cố cho HS nắm chắc về câu khiến, cách đặt câu khiến.

- HS tìm đúng câu khiến trong đoạn văn; Biết chuyển câu kể thành câu khiến; bước đầu đặt được câu khiến phù hợp với tình huống giao tiếp; đặt câu với từ cho trước (hãy, đi, xin) theo cách đã học

2. Phẩm chất

- Giáo dục HS yêu Tiếng Việt, vận dụng nói, viết hợp lí.

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC

- : Bài giảng powerpoint

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY -HỌC

1. Khởi động

- Câu khiến dùng để làm gì?

- Cuối câu khiến thường có dấu gì?
- Có mấy cách để đặt câu khiến, đó là những cách nào?

- Gọi HS nêu ví dụ một câu khiến.
 - Nhận xét, kết luận câu trả lời đúng.
- *Chốt : Câu khiến (câu cầu khiến) dùng để nêu yêu cầu, đề nghị, mong muốn, ... của người nói, người viết với người khác. Khi viết cuối câu khiến có dấu chấm than hoặc dấu chấm*

2. Luyện tập

Bài 1: Thêm các từ cầu khiến để biến câu kể **Nam đến**. thành câu khiến theo các cách dưới đây.

- Thêm từ *đừng hoặc chớ, nên* vào trước động từ.
 - Thêm từ *đi hoặc thôi, nhé* vào cuối câu.
 - Thêm *đề nghị, xin, mong* vào đầu câu.
- Gọi HS nêu yêu cầu bài tập.
 - Y/C HS làm bài vào vở.
 - Nhận xét, đánh giá.

**Chốt: Cách chuyển câu kể thành câu khiến để nêu yêu cầu, đề nghị, mong muốn, ...*

Bài 2: Hãy ghi lại 4 cách đặt câu khiến khác nhau để yêu cầu một người nào đó dừng lại:

-
-
-
-

- Gọi HS nêu yêu cầu bài tập.

- Dùng để nêu y/c, đề nghị, mong muốn của người nói, người viết với người khác.
- Có dấu chấm hoặc chấm than.
- Có 4 cách:
 - + Thêm các từ *hãy, đừng, chớ nên, ...* vào trước động từ.
 - + Thêm các từ *lên, đi, thôi, nào,....* vào cuối câu.
 - + Thêm các từ *đề nghị, xin, mong, ...* vào đầu câu.
 - + Thay đổi giọng điệu phù hợp với câu khiến.
- HS lấy ví dụ: Em hãy làm bài tập đi!

- HS nêu yêu cầu bài tập.
- HS làm bài cá nhân vào vở. 1 HS lên bảng. VD:
 - Nam đừng đến.
 - Nam đến thôi!
 - Mong Nam đến.
- Ghi nhớ.

- HS nêu yêu cầu bài tập.

- Tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi làm bài.
- Nhận xét, đánh giá.

**Chốt: Các cách đặt câu khiến để nêu yêu cầu, đề nghị, mong muốn.*

Bài 3: Ghi rõ tình huống gắn với từng câu khiến em đã đặt ở bài tập 1.

- Trong trường hợp nào em khuyên bạn đừng đến?
- Trong trường hợp nào em khuyên bạn đến thôi?
- Trong trường hợp nào em mong bạn đến?
- Gọi HS nêu yêu cầu bài tập.
- Tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi làm bài.
- Y/c HS nêu tình huống phù hợp với từng câu khiến.

**Chốt: Cách xác định tình huống sử dụng câu khiến cho phù hợp.*

Bài 4: Hãy đặt 3 câu khiến, tương ứng với các tình huống sau:

- Mong bạn làm bài tốt trong kì thi.
- Xin bố mẹ mua cho chiếc cặp mới.
- Đề nghị bạn không được vứt rác ra sân trường.

**Chốt: Cách đặt câu khiến giữ phép lịch sự phù hợp trong giao tiếp.*

3. Vận dụng:

- Nêu cấu tạo và tác dụng của câu khiến? Khi sử dụng câu khiến cần chú ý điều gì?
- Nhận xét tiết học. Dặn HS về nhà xem lại bài và ghi nhớ cách làm.

- HS thảo luận nhóm đôi. Đại diện một số nhóm báo cáo.

VD: Nga hãy dừng lại.

Nga hãy dừng lại đi!

Nga dừng lại đi!

Mong Nga dừng lại.

- Ghi nhớ.

- HS nêu yêu cầu bài tập.

- HS thảo luận theo nhóm 2, làm bài.

- HS nêu. VD: Một nhóm bạn đang chơi đá bóng ở sân vận động. Nam rất thích ra đó để chơi, mặc dù bài tập chưa làm xong. Em khuyên bạn: Nam đừng đến!

- Ghi nhớ.

- HS nêu yêu cầu bài tập.

- HS làm bài cá nhân vào vở

- Lần lượt từng học sinh làm bảng lớp.

- Ghi nhớ.

- HS nêu.

- Nhận việc.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN: TOÁN
TOÁN
ĐƠN VỊ ĐO DIỆN TÍCH. XĂNG-TI-MÉT VUÔNG (T2)
Trang 85-87

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

Sau bài học, HS đạt được các yêu cầu sau:

- Biết Xăng-ti-mét vuông là một đơn vị đo diện tích; đọc, viết tên và kí hiệu của nó.
- HS nắm được đơn vị đo diện tích chuẩn là xăng-ti-mét vuông
- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học, vận dụng giải quyết các vấn đề thực tế trong cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học :Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

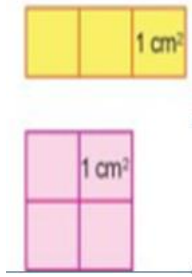
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.	
- Cách tiến hành: tổ chức cho HS quan sát tranh, nhận xét: HD HS dùng đơn vị xăng-ti-mét vuông để tính diện tích các hình chữ nhật và hình vuông.	- HS lắng nghe.

- Chia nhóm 2, các nhóm thảo luận ghi vào phiếu học tập nhóm .



? Biết Mỗi ô vuông nhỏ có diện tích là 1 cm^2 . YC HS tính diện tích hình chữ nhật và hình vuông

- Nhận xét, tuyên dương
- KL: Diện tích hình chữ nhật là 3 cm^2 , diện tích hình vuông là 4 cm^2 .

- HS tham gia thảo luận nhóm đôi và trả lời, nhận xét.

- HS thực hiện theo YC của
- + Diện tích của hình vuông là 4 cm^2 ; diện tích của hình chữ nhật là 3 cm^2
- Hs lắng nghe

2. Luyện tập:

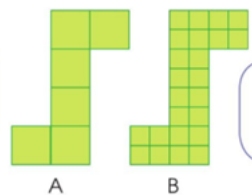
- Mục tiêu:

- + Luyện tập tổng hợp các kiến thức về đơn vị đo diện tích đã học ở tiết 1
- + Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

- Cách tiến hành:

Bài 4: (Làm việc nhóm đôi) Quan sát tranh và thực hiện các yêu cầu

- Yêu cầu HS nêu đề bài
- Chia nhóm 2, các nhóm làm việc vào phiếu học tập nhóm.



- YC HS đếm số ô vuông rồi điền số vào ô trống. Sau đó trao đổi trong nhóm đôi.
- Mời các nhóm trình bày kết quả.
- + Bạn Khang nói : Hình A gồm 6 ô vuông bằng nhau, hình B gồm 24 ô vuông bằng nhau. Vậy diện tích hình A bé hơn diện tích hình B.

+ 1 HS đọc đề bài

- HS chia nhóm 2, làm việc trên phiếu học tập

- HS nhận xét, bổ sung.

+ Bạn Hiền nói : 1 ô vuông lớn bằng 4 ô vuông nhỏ. Vậy diện tích hình A bằng diện tích hình B.

. - Cả lớp suy nghĩ trao đổi

- Mời HS khác nhận xét.

- Kết luận bạn Hiền nói đúng .

? Các em thấy mối liên hệ giữa diện tích ba hình này như thế nào?

- Nhận xét và rút ra KL: Diện tích hình Q có diện tích lớn nhất, hai hình P và R có diện tích bằng nhau.

- Lấy thêm ví dụ để củng cố kiến thức cho HS.

- Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.

- Nhận xét tuyên dương.

Bạn Hiền nói đúng .

3. Vận dụng.

- Mục tiêu:

+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- **Bài 5:**

- Chia nhóm 4, các nhóm làm việc vào phiếu học tập nhóm.

HS Xác định diện tích hình cần đo đó là phần bề mặt chiếm giữ của hình

- Các nhóm thực hành theo nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.

- Sử dụng lưới ô vuông (mỗi ô là 1 cm^2) để đo diện tích một số đồ vật (nhãn vở, bề mặt hộp bút, một số dụng cụ trong bộ đồ dùng học Toán như hình vuông, hình chữ nhật,...

kết luận : HS chú ý dùng phép nhân khi đếm số ô vuông sẽ nhanh hơn đếm từng ô vuông riêng lẻ

.

- Nhận xét, tuyên dương, khen thưởng những nhóm làm nhanh đo chính xác

- HS nêu yêu cầu bài 5.

+ Các nhóm thực hành

.

+ HS thực hành đo theo nhóm và ghi kết quả vào phiếu của nhóm mình.

- Nhận xét, tuyên dương.
 Các em đã được học đơn vị đo diện tích xăng-ti-mét vuông có thể đo được diện tích những đồ vật xung quanh mình .

TOÁN

DIỆN TÍCH HÌNH CHỮ NHẬT - DIỆN TÍCH HÌNH VUÔNG (Tiết 1)- TRANG 88

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết diện tích hình chữ nhật, diện tích hình vuông.
- Tìm ra quy tắc tính diện tích hình chữ nhật, diện tích hình vuông.
- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: <ul style="list-style-type: none"> + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành: 	
- Tổ chức trò chơi “ Đố bạn” để khởi động bài học.	- HS tham gia trò chơi

<p>+ Câu 1: Đố bạn biết diện tích của A</p> <p>+ Câu 2: Đố bạn biết diện tích của B</p> <p>- Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- HS nêu cách tìm số hình vuông 1 cm^2 nhanh và chính xác ?</p> <p>- Dẫn dắt vào bài mới</p>	<p>+ Trả lời: Hình A gồm 10 hình vuông 1 cm^2 Nên diện tích là 10 cm^2</p> <p>+ Trả lời: Hình B gồm 15 hình vuông 1 cm^2 Nên diện tích là 15 cm^2</p> <p>- Dùng phép nhân, Hình A có tất cả $5 \times 2 = 10$ hình vuông 1 cm^2</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
---	---

2. Khám phá:

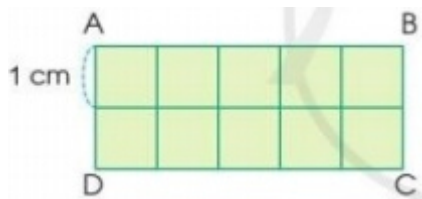
- Mục tiêu:

- + Nhận biết diện tích hình chữ nhật, diện tích hình vuông.
- + Tìm ra quy tắc tính diện tích hình chữ nhật, diện tích hình vuông.
- + Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

- Cách tiến hành:

a. Khám phá quy tắc tính diện tích hình chữ nhật (Làm việc cả lớp)

Cho HS quan sát tranh và trả lời miệng



- Các ô vuông trong hình chia làm mấy hàng?

- Mỗi hàng có mấy ô vuông ?
- Trong hình chữ nhật có tất cả mấy ô vuông ?
- Muốn biết chính xác số ô vuông trong hình chữ nhật em làm như thế nào ?
- Mỗi ô vuông có diện tích bằng bao nhiêu ?

- Mỗi hàng có diện tích là bao nhiêu?

+ Tính diện tích của hình chữ nhật trên

- HS quan sát hình và trả lời câu hỏi.

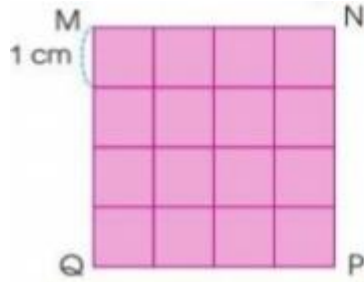
+ Các ô vuông trong hình chữ nhật được chia thành hai hàng.

- Mỗi hàng có 5 ô vuông
- Trong hình chữ nhật có tất cả 10 ô vuông.
- ta lấy $2 \times 5 = 10$ (ô vuông)
- Mỗi ô vuông có diện tích 1 cm^2
- Mỗi hàng có diện tích bằng 5 cm^2
- Muốn tính diện tích hình chữ nhật ta lấy $2 \times 5 = 10\text{ cm}^2$

- + Chiều dài hình chữ nhật bằng mấy ?
- + Chiều rộng của hình chữ nhật bằng mấy ?
- Muốn tính diện tích hình chữ nhật em làm thế nào?
- : Chốt quy tắc, HS nhắc lại.

b. Khám phá quy tắc tính diện tích hình vuông (Làm việc cả lớp)

cho HS quan sát tranh và trả lời miệng



- Các ô vuông trong hình chia làm mấy hàng?
- Mỗi hàng có mấy ô vuông ?
- Trong hình vuông có tất cả mấy ô vuông ?
- Muốn biết chính xác số ô vuông trong hình vuông em làm như thế nào ?
- Mỗi ô vuông có diện tích bằng bao nhiêu ?
- Mỗi hàng có diện tích là bao nhiêu?
- Tính diện tích của hình vuông trên
- Cạnh hình vuông bằng mấy ?
- Muốn tính diện tích hình vuông em làm thế nào?

- Chốt quy tắc, HS nhắc lại.

c. chốt lại cách tính diện tích hình chữ nhật , diện tích hình vuông (Làm việc chung cả lớp)

- HS nói cho nhau nghe
- Chú ý độ dài các cạnh của hình chữ nhật phải cùng đơn vị đo.

- 5 cm
- 2 cm
- Lấy chiều dài nhân với chiều rộng.

-

- + Các ô vuông trong hình vuông được chia thành 4 hàng.
- Mỗi hàng có 4 ô vuông
- Trong hình chữ nhật có tất cả 16 ô vuông.
- ta lấy $4 \times 4 = 16$ (ô vuông)
- Mỗi ô vuông có diện tích 1 cm^2
- Mỗi hàng có diện tích bằng 4 cm^2
- Muốn tính diện tích hình vuông ta lấy $4 \times 4 = 16 \text{ cm}^2$
- 4 cm
- Lấy độ dài một cạnh nhân với chính nó.

3. Vận dụng.

- Mục tiêu:

- + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
- + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

Tổ chức trò chơi “ Ai nhanh hơn” để khởi động bài học.

+ Câu 1: Đố bạn biết diện tích hình chữ nhật có chiều dài 5cm, chiều rộng bằng 3 cm.

+ Câu 2: Đố bạn biết diện tích hình vuông có cạnh bằng 6 cm

- Nhận xét, tuyên dương.

- Nhận xét tiết học.

- HS tham gia trò chơi

+ Trả lời: Diện tích hình chữ nhật bằng $5 \times 3 = 15 \text{ cm}^2$

+ Trả lời: Diện tích hình vuông bằng $6 \times 6 = 36 \text{ cm}^2$

TOÁN

DIỆN TÍCH HÌNH CHỮ NHẬT - DIỆN TÍCH HÌNH VUÔNG (Tiết 2)

TRANG 89

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Vận dụng tính diện tích hình chữ nhật, diện tích hình vuông giải quyết các vấn đề thực tế trong cuộc sống.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

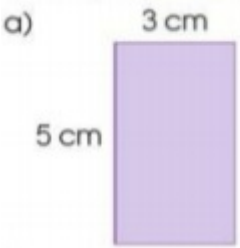
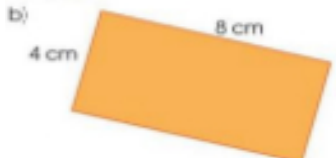
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức trò chơi Ai nhanh Ai đúng để khởi động bài học. + Câu 1: Tính diện tích hình chữ nhật, có chiều dài là 4 cm, chiều rộng là 2 cm + Câu 2: Tính diện tích hình vuông có cạnh là 8 cm. - Nhận xét, tuyên dương. - Dẫn dắt vào bài mới 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi + Trả lời: Diện tích hình chữ nhật là $4 \times 2 = 8 \text{ cm}^2$ + Trả lời: Diện tích hình vuông là: $8 \times 8 = 64 \text{ cm}^2$ - HS lắng nghe.
<p>2. Luyện tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: - Vận dụng tính diện tích hình chữ nhật, diện tích hình vuông giải quyết các vấn đề thực tế trong cuộc sống. - Cách tiến hành: 	
<p>Bài 1. Tính diện tích của mỗi hình chữ nhật sau: (Làm việc cá nhân)</p> <p>Cho HS quan sát tranh và trả lời miệng</p> <div style="text-align: center;">  </div> <ul style="list-style-type: none"> - Hình chữ nhật có chiều rộng bằng bao nhiêu ? - Chiều dài bằng bao nhiêu ? - Muốn tính diện tích hình chữ nhật ta làm như thế nào? - Mời HS khác nhận xét. - Nhận xét, tuyên dương. <div style="text-align: center;">  </div>	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu đầu bài. - HS quan sát hình và trả lời câu hỏi. + Hình chữ nhật có chiều rộng bằng 3 cm. + Chiều dài bằng 5 cm. + Diện tích hình chữ nhật là: $3 \times 5 = 15 \text{ cm}^2$

Cho HS quan sát và tính diện tích vào vở.

- Mời 1 HS nêu kết quả, cả lớp quan sát, nhận xét.
- HS đổi chéo vở và nói cách tính diện tích của hình chữ nhật.
- Nhận xét chung, tuyên dương.
- Nhắc học sinh khi tính diện tích cần chú ý các cạnh phải cùng đơn vị đo.

Bài 2: (Làm việc cá nhân) Quan sát tranh và thực hiện các yêu cầu.

2) Tính diện tích của mỗi hình vuông sau:



- Yêu cầu HS nêu đề bài.

a, Cạnh của hình vuông có độ dài bằng bao nhiêu ?

- Muốn tính diện tích hình vuông ta làm như thế nào ?

- 1 HS lên bảng trình bày.

- HS đổi chéo vở kiểm tra cho nhau và chỉ vào hình nói cho nhau nghe cách tính diện tích hình vuông.

- Nhận xét, tuyên dương.

b, - HS làm bài vào vở.

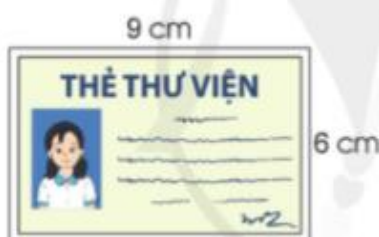
- Nhận xét, tuyên dương.

Bài 3. (Làm việc chung cả lớp)

- Yêu cầu HS đọc đề bài câu a.

- Làm việc chung cả lớp.

a) Tính diện tích thẻ thư viện sau:



b, Diện tích hình chữ nhật là: $4 \times 8 = 32 \text{ cm}^2$

- 1 HS nêu đề bài.

- Cạnh của hình vuông có độ dài bằng 5 cm.

- Muốn tính diện tích hình vuông ta lấy số đo một cạnh nhân với chính nó.

- a, Diện tích hình vuông là: $5 \times 5 = 25 \text{ cm}^2$

- Diện tích hình vuông là: $4 \times 4 = 16 \text{ cm}^2$

- HS đọc yêu cầu bài 3a

- Chiều dài thẻ thư viện là 9 cm.

- Chiều rộng thẻ thư viện là 6 cm.

- Diện tích thẻ thư viện em lấy chiều dài nhân chiều rộng.

- Quan sát vào hình vẽ em thấy chiều dài của thẻ thư viện bằng bao nhiêu ?
 - Chiều rộng bằng bao nhiêu ?
 - Muốn tính diện tích thẻ thư viện em làm như thế nào?
 - Mời HS lên bảng trình bày.
 - HS lên bảng trình bày.
 - Nhận xét, bổ sung.
- b, yêu cầu HS đọc đề bài câu a.
- Làm việc chung cả lớp.

b) Tính diện tích của con tem:



- Độ dài 1 cạnh của con tem bằng bao nhiêu ?
- Muốn tính diện tích của con tem ta làm như thế nào ?
- Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.
- Nhận xét tuyên dương.

- Diện tích thẻ thư viện
Là: $9 \times 6 = 54 \text{ (cm}^2 \text{)}$
Đáp số: 54 cm^2

- HS đọc yêu cầu bài 3a

- Độ dài một cạnh của con tem bằng 3cm
- Diện tích của con tem ta lấy độ dài một cạnh nhân với chính nó.

3. Vận dụng.

- Mục tiêu:
 - + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
 - + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
 - + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.
- Cách tiến hành:

- Cho HS nêu yêu cầu bài 4
- Chia nhóm 4, các nhóm làm việc vào phiếu học tập nhóm.
- Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.

- HS nêu yêu cầu bài 4.
- + Các nhóm làm việc vào phiếu học tập.
- Đại diện các nhóm trình bày:
 - + Căn cứ vào số mảnh giấy hình vuông ta có là 12 mảnh giấy. Mỗi mảnh giấy có diện tích bằng 1. Các bạn sẽ ghép được các hình chữ nhật như sau:

<ul style="list-style-type: none">- Nhận xét, tuyên dương.- Trong thực tế có nhiều hình khác nhau nhưng diện tích bằng nhau.- Nhận xét tiết học.	<p>+ Bạn nữ ghép được hình chữ nhật có chiều rộng bằng 2 mảnh giấy hình vuông. Vậy ta có chiều rộng hình chữ nhật có cạnh là 2 cm. Chiều dài được ghép bởi 6 mảnh giấy hình vuông như thế. Vậy ta cũng có chiều dài hình chữ nhật là 6cm. Theo quy tắc tính diện tích hình chữ nhật ta cũng có diện tích bằng 12 cm^2.</p> <p>+ Bạn nam ghép được hình chữ nhật có chiều rộng là 3 cm. Chiều dài được ghép bởi 4 mảnh giấy. Vậy ta cũng có chiều dài hình chữ nhật là 4cm. Ta có diện tích bằng 12 cm^2.</p>
--	--

TOÁN

LUYỆN TẬP CHUNG (TIẾT 1) - TRANG 90

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Thực hiện tính được diện tích hình chữ nhật, diện tích hình vuông khi biết độ dài các cạnh.
- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- Tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Tính diện tích hình vuông có cạnh là 7 cm? ? + Tính diện tích hình chữ nhật có chiều dài là 6 cm, chiều rộng là 3 cm? - Nhận xét, tuyên dương. - Dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia trò chơi + $7 \times 7 = 49 \text{ (cm}^2\text{)}$ + $6 \times 3 = 18 \text{ (cm}^2\text{)}$ - HS lắng nghe.
2. Luyện tập: - Mục tiêu: + Thực hiện tính được diện tích hình chữ nhật, diện tích hình vuông khi biết độ dài các cạnh. + Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học. - Cách tiến hành:	
Bài 1. (Làm việc cá nhân) a, Cho HS làm bài vào vở. - Mời HS khác nhận xét. - HS nhắc lại quy tắc tính chu vi, tính diện tích hình chữ nhật. - nhận xét, tuyên dương. b, Tương tự như ý a. - Chốt đáp án Chu vi hình vuông là: $6 \times 4 = 24 \text{ (cm)}$ Diện tích hình vuông là:	- HS lên bảng làm bài. - Chu vi hình chữ nhật là: $(6 + 8) \times 2 = 28 \text{ (cm)}$ - Diện tích hình chữ nhật là: $6 \times 8 = 48 \text{ (cm}^2\text{)}$ + 1 HS đọc quy tắc. - HS lắng nghe

$$6 \times 6 = 36 \text{ (cm}^2\text{)}$$

- HS nhắc lại quy tắc tính chu vi, tính diện tích hình chữ nhật.

- Khi tính chu vi hình chữ nhật, chu vi hình vuông cần chú ý về đơn vị đi diện tích và đơn vị khi tính chu vi.

Bài 2: Tìm số đo thích hợp cho mỗi ô trong bảng dưới đây:

Tổ chức trò chơi “Ai nhanh, ai đúng” về tính chu vi, diện tích hình vuông và hình chữ nhật.

- Hình chữ nhật có chiều dài là 5 cm, chiều rộng là 2 cm thì chu vi bằng ?

- Hình chữ nhật có chiều dài là 5 cm, chiều rộng là 2 cm thì diện tích bằng ?

- Hình chữ nhật có chiều dài là 15 cm, chiều rộng là 3 cm thì chu vi bằng ?

- Hình chữ nhật có chiều dài là 15 cm, chiều rộng là 3 cm thì diện tích bằng ?

- Hình vuông có cạnh là 7 cm, thì chu vi bằng ?

- Hình vuông có cạnh là 7 cm, thì diện tích bằng ?

Bài 3. (Làm việc chung cả lớp)

3 Mai ghép 10 tấm thảm hình vuông có cạnh 40 cm thành một tấm thảm hình chữ nhật lớn có chiều rộng 80 cm. Hỏi chu vi của tấm thảm Mai ghép được bằng bao nhiêu xăng-ti-mét?



Yêu cầu HS đọc đề bài.

- cùng HS cùng phân tích bài toán:

+ Mỗi ô vuông có cạnh bằng bao nhiêu xăng-ti-mét ?

+ Chiều rộng hình chữ nhật ?

+ 1 HS quy tắc.

+ HS lắng nghe.

- Hình chữ nhật có chiều dài là 5 cm, chiều rộng là 2 cm thì chu vi bằng ?

- Hình chữ nhật có chiều dài là 5 cm, chiều rộng là 2 cm thì diện tích bằng ?

- Hình chữ nhật có chiều dài là 15 cm, chiều rộng là 3 cm thì chu vi bằng ?

- Hình chữ nhật có chiều dài là 15 cm, chiều rộng là 3 cm thì diện tích bằng ?

- Hình vuông có cạnh là 7 cm, thì chu vi bằng ?

- Hình vuông có cạnh là 7 cm, thì diện tích bằng ?

- Mỗi ô vuông có cạnh bằng 40 cm.

<p>+ Qua quan sát các em thấy Chiều dài được ghép bởi mấy ô vuông ?</p> <p>+ Chiều dài hình chữ nhật ?</p> <p>+ Muốn tính chu vi hình chữ nhật ta làm như thế nào?</p> <p>- Cho học sinh làm bài vào vở.</p> <p>- HS nhận xét lẫn nhau.</p> <p>- nhận xét tuyên dương.</p> <p>- Nhận xét tiết học.</p>	<p>- Chiều rộng hình chữ nhật: 80 cm (2 ô vuông).</p> <p>- Chiều dài được ghép bởi 5 ô vuông.</p> <p>- Chiều dài hình chữ nhật là: $40 \times 5 = 200$ cm.</p> <p>- 1 hs nêu quy tắc.</p> <p>- 1 HS lên bảng trình bày</p>
--	---

TOÁN

LUYỆN TẬP CHUNG (TIẾT 2) - TRANG 91

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Vận dụng tính diện tích hình chữ nhật, diện tích hình vuông vào giải quyết các vấn đề trong thực tế.
- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.


3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. <li style="padding-left: 20px;">+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Tính chu vi, diện tích hình chữ nhật có chiều rộng là 4 cm, chiều dài là 8 cm ? + Câu 2: Tính chu vi, diện tích hình vuông có cạnh là 8 cm - Nhận xét, tuyên dương. - Dẫn dắt vào bài mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi + $(4 + 8) \times 2 = 24 \text{ cm.}$ + $4 \times 8 = 32 \text{ cm}^2$ + $8 \times 4 = 32 \text{ cm}$ + $8 \times 8 = 64 \text{ cm}^2$ - HS lắng nghe.
<p>3. Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<p>Bài 4. (Làm việc nhóm 4)</p> <p>Quan sát sơ đồ các phòng của một trung tâm thể dục thẩm mỹ sau và trả lời các câu hỏi:</p>  <p>a) Phòng nào có diện tích lớn nhất? b) Phòng nào có diện tích bé nhất?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu học sinh đọc đề bài. - Tìm hiểu bài toán: + Trung tâm thể dục thẩm mỹ có những phòng nào? + Đề bài yêu cầu gì? - Cho HS làm nhóm 4 trên phiếu học tập. 	<ul style="list-style-type: none"> + 1 HS đọc đề bài. + HS cùng tìm hiểu bài toán với . + Trung tâm thể dục thẩm mỹ có các phòng: phòng tập yoga, phòng tập thể hình, phòng xông hơi, phòng tập nhảy. + a, Phòng nào có diện tích lớn nhất? + b, Phòng nào có diện tích nhỏ nhất?

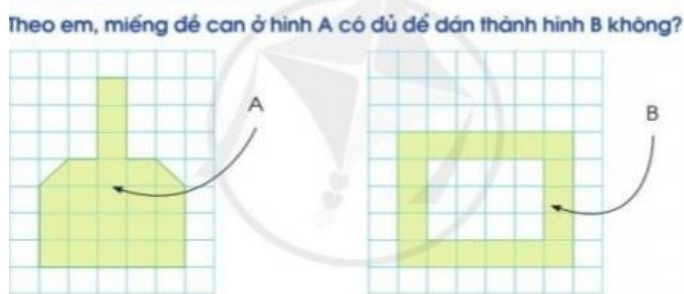
- Mời các nhóm trình bày kết quả. HS lên chỉ trên màn hình và nói.

- Mời HS khác nhận xét.

- Nhận xét, tuyên dương.

+ Để so sánh diện tích của các phòng ta có thể so sánh bằng trực quan, nhưng để chính xác hơn thì nên so sánh qua đơn vị đo diện tích.

Bài 5: (Làm việc chung cả lớp).



- Yêu cầu HS nêu đề bài.

- Tìm hiểu bài toán:

+ Bài toán yêu cầu gì ?

+ Theo em muốn biết hình A có đủ để dán thành hình B không em ?

- Mời HS trình bày kết cách làm. HS lên chỉ trên màn hình và nói.

- Mời HS khác nhận xét.

+ Các nhóm làm bài vào phiếu học tập:

- a, Phòng có diện tích lớn nhất là phòng tập yoga.

- b, Phòng có diện tích nhỏ nhất là phòng xông hơi.

- Các nhóm nhận xét, bổ sung.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm

+ 1 HS Đọc đề bài.

+ HS cùng tìm hiểu bài toán với .

- Theo em miếng đề can ở hình A có đủ để dán thành hình B không ?

+ Hình A có đủ ô vuông để dán vào hình B.

+ HS: Em sẽ đếm số ô vuông cần có để dán vào hình B là 12 ô vuông, 12 ô vuông này ghép thành hình chữ nhật có chiều rộng là 3 ô vuông, chiều dài là 4 ô vuông. Sau đó em đếm số ô vuông hình Ở Hình A tương tự như ở hình B. Như vậy em sẽ có một hình chữ nhật có chiều rộng là 3 ô vuông và chiều dài

- Nhận xét từng bài, tuyên dương.
- + Có những hình khác nhau nhưng diện tích bằng nhau.

Bài 6:(Làm việc chung cả lớp).

Thực hành: Tạo lập những hình chữ nhật có chu vi bằng nhau nhưng diện tích khác nhau và ghi lại kết quả.

Mẫu:

Hình	Chiều dài	Chiều rộng	Chu vi	Diện tích
A	5 cm	3 cm	16 cm	15 cm ²
B	6 cm	2 cm	16 cm	12 cm ²



- Cho HS quan sát mẫu trong tranh.
- Em thấy gì trong tranh ?

- Em có nhận xét gì về chu vi, diện tích của hai hình chữ nhật đó ?

- Thảo luận nhóm đôi tạo lập ra những hình chữ nhật có chu vi bằng nhau nhưng diện tích khác nhau.
- Các nhóm trình bày.

- Nhận xét.
- Nhận xét tiết học.

là 4 ô vuông để ghép vào hình B.

- HS nhận xét.

- HS lắng nghe.

- HS đọc yêu cầu
- Bạn nam trong đã dùng dây để căng hai hình chữ nhật.
- + Hình A: chiều dài: 5 cm, chiều rộng: 3 cm. Có chu vi: 16cm. Diện tích: 15 cm²
- + Hình B: chiều dài: 6 cm, chiều rộng, chu vi: 16 cm, diện tích: 12 cm²
- Chu vi của hai hình chữ nhật bằng nhau, Diện tích của hai hình chữ nhật đó lại khác nhau.
- HS: + Chiều dài: 5 cm, chiều rộng: 4 cm. Có chu vi: 18 cm. Diện tích: 20 cm².
- + Chiều dài: 7 cm, chiều rộng: 2 cm. Có chu vi: 18 cm. Diện tích: 14 cm².

TOÁN + ÔN TẬP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết Xăng-ti-mét vuông là một đơn vị đo diện tích; đọc, viết tên và kí hiệu của nó.

- Thực hiện được các phép tính với số đo kèm theo đơn vị đo là xăng-ti-mét vuông;

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học, vận dụng giải quyết các vấn đề thực tế trong cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học và giải quyết vấn đề: Chủ động tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học; tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái, chăm chỉ: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ; tích cực suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:

- Bài giảng điện tử

- Bảng phụ bài 1

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS								
<p>1. Khởi động</p> <p>- Gọi 1 HS lên điều khiển phần khởi động. + Xăng – ti – mét vuông là gì? Viết tắt là gì?</p> <p>+ Viết bảng con: $45\text{ cm}^2, 78\text{ cm}^2$</p> <p>- Nhận xét, tuyên dương.</p> <p><i>Chốt .Xăng – ti – mét vuông là đơn vị đo diện tích của hình vuông có cạnh 1cm.</i></p> <p><i>Xăng – ti – mét vuông viết tắt: cm^2</i></p> <p>2. Luyện tập.</p> <p>Bài 1: Viết theo mẫu (treo bảng phụ)</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 50%;">Đọc</th> <th style="width: 50%;">Viết</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Bảy xăng - ti - mét vuông</td> <td>7 cm^2</td> </tr> <tr> <td>Tám mươi xăng - ti - mét vuông</td> <td></td> </tr> <tr> <td></td> <td>105 cm^2</td> </tr> </tbody> </table>	Đọc	Viết	Bảy xăng - ti - mét vuông	7 cm^2	Tám mươi xăng - ti - mét vuông			105 cm^2	<p>- HS trả lời.</p> <p>- Là đơn vị đo diện tích của hình vuông có cạnh dài 1cm. Viết tắt là : cm^2</p> <p>- HS dưới lớp viết bảng con.</p> <p>- Lắng nghe, ghi nhớ.</p>
Đọc	Viết								
Bảy xăng - ti - mét vuông	7 cm^2								
Tám mươi xăng - ti - mét vuông									
	105 cm^2								

<p>Một trăm xăng - ti – mét vuông</p>		<ul style="list-style-type: none">- HS đọc đề.- HS làm ra vở, 1 bạn lên bảng làm.- Nhận xét.
<ul style="list-style-type: none">- Mời đọc yêu cầu và phân tích đề- Mời HS làm ra vở.- Nhận xét. <p>* <i>Chốt cách đọc, viết số đo diện tích theo xăng-ti-mét vuông.</i></p> <p>Bài 2: Tính (trình chiếu)</p> $18 \text{ cm}^2 + 25 \text{ cm}^2 = \dots \text{ cm}^2$ $67 \text{ cm}^2 + 48 \text{ cm}^2 = \dots \text{ cm}^2$ $34 \text{ cm}^2 : 2 = \dots \text{ cm}^2$ $50 \text{ cm}^2 - 14 \text{ cm}^2 = \dots \text{ cm}^2$ $4 \text{ cm}^2 \times 8 = \dots \text{ cm}^2$ <ul style="list-style-type: none">- Gọi 1 em lên bảng làm. <ul style="list-style-type: none">- Nhận xét chốt kết quả đúng.- Chốt: <i>Thực hiện các phép tính bình thường như đối số tự nhiên sau đó viết đơn vị đo vào cuối.</i>		<ul style="list-style-type: none">- 1 HS đọc yêu cầu.- 1 HS lên bảng làm.- HS thực hành, làm bài vào vở.- HS ở dưới lớp làm bài xong, chia sẻ với bạn bên cạnh cách làm.- HS nhận xét, chữa bài.
<p>Bài 3: Tờ giấy thứ nhất có diện tích 765 cm². Tờ giấy thứ hai có diện tích nhỏ hơn tờ giấy thứ nhất 15 cm². Tính diện tích tờ giấy thứ hai.</p> <ul style="list-style-type: none">- Gọi HS đọc đề toán.- H/d phân tích bài toán: Bài toán hỏi gì ? Bài đã cho biết gì ?+ Đề tính diện tích tờ giấy thứ hai ta làm như thế nào? <ul style="list-style-type: none">- Y/c HS tự làm bài rồi h/d chữa bài.- Mời HS nhận xét.- Nhận xét.		<ul style="list-style-type: none">- 1 HS đọc đề toán.- HS trả lời, hỏi đáp theo cặp đôi.+ Ta lấy diện tích của tờ giấy thứ nhất trừ đi diện tích nhỏ hơn của tờ giấy 2.- HS làm bài trong vở; 1 em chữa bài- Nhận xét và nêu câu lời giải.- Lắng nghe.

* Chốt cách so sánh diện tích.

3. Vận dụng

Bài 4:

Lấy 2 VD trong nhóm các phép tính nhân, chia với đơn vị đo diện tích đã học, thực hiện tính với các phép tính đó.

- Cho HS trình bày trước nhóm, lớp.
- Em học được những gì qua bài học này?
Về nhà tự viết năm số có hai chữ số với đơn vị đo xăng-ti-mét - vuông.
- Nhận xét tiết học, tuyên dương HS
- Dặn HS chuẩn bị bài sau.

-HS trong nhóm lấy VD, thực hiện chia sẻ trong nhóm.

- Chia sẻ trước lớp.

HS nêu.

- Lắng nghe.

- Nhận việc.

TOÁN + ÔN TẬP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Thực hiện tính được diện tích, chu vi hình chữ nhật khi biết độ dài các cạnh.
- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng vào làm bài tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:

- Bài giảng điện tử

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS																
<p>1. Khởi động Cho 1HS lên điều khiển. - Nêu cách tính diện tích hình chữ nhật? - Nêu cách tính diện tích hình chữ nhật? <i>*Chốt: Muốn tính diện tích hình chữ nhật ta lấy chiều dài nhân với chiều rộng (cùng đơn vị đo)</i> chốt chu vi hình chữ nhật</p> <p>HD2. Luyện tập Bài 1: Một hình chữ nhật có chiều dài là 20cm, chiều rộng 9cm. Tính diện tích hình chữ nhật đó? - Gọi HS đọc yêu cầu và phân tích đề + Bài toán cho biết gì? + Bài toán hỏi gì? + Muốn tính diện tích hình chữ nhật ta làm thế nào? Nêu cách làm. - Yêu cầu HS làm bài. - Nhận xét, tuyên dương. <i>*Chốt: Muốn tính diện tích hình chữ nhật ta lấy chiều dài nhân với chiều rộng (cùng đơn vị đo)</i></p> <p>Bài 2: Tính và điền chu vi và diện tích HCN có kích thước sau vào bảng: (bảng phụ)</p> <table border="1" data-bbox="256 1361 903 1653"> <thead> <tr> <th>C. dài</th> <th>C.rộng</th> <th>D.tích</th> <th>Chu vi</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>23 cm</td> <td>6 cm</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>18 cm</td> <td>7 cm</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>25 cm</td> <td>1 dm</td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p>- Gọi HS đọc yêu cầu. - Cho HS Nêu độ dài các chiều ở từng trường hợp. - Y/c HS tự làm bài rồi h/d chữa; lưu ý các em ghi cả phép tính và kết quả, chia sẻ trong nhóm đôi cách tính. - , HS nhận xét. <i>*Chốt: Muốn tính diện tích hình chữ nhật ta lấy chiều dài nhân với chiều rộng (cùng đơn vị đo)</i></p>	C. dài	C.rộng	D.tích	Chu vi	23 cm	6 cm			18 cm	7 cm			25 cm	1 dm			<p>- HS trao đổi lại trong nhóm đôi. - 1 vài HS nhắc lại. - Lắng nghe, ghi nhớ.</p> <p>- HS đọc đề bài. + Một hình chữ nhật có chiều dài là 20cm, chiều rộng 9cm + Tính diện tích hình chữ nhật đó. + Ta lấy chiều dài nhân với chiều rộng (cùng đơn vị đo) - HD cá nhân: Làm bài. - 1HS lên bảng làm bài. - HS nhận xét bài làm của bạn.</p> <p>- 1 HS đọc; nêu yêu cầu của bài. - HS nêu. - HS tự tính trong vở; chia sẻ trong nhóm đôi cách tính -1 HS chữa bài trên bảng lớp. - Nhận xét. - Ghi nhớ.</p>
C. dài	C.rộng	D.tích	Chu vi														
23 cm	6 cm																
18 cm	7 cm																
25 cm	1 dm																

<p>- Muốn tính chu vi hình chữ nhật ta lấy chiều dài cộng với chiều rộng(cùng đơn vị đo) rồi nhân với 2.</p> <p>Bài 3: Một hình chữ nhật có chu vi là 42 cm, chiều rộng là 9 cm. Tính diện tích HCN đó.</p> <ul style="list-style-type: none">- gọi HS đọc đề toán.- H/d Ghn tích bài toán: Bài toán hỏi gì ? Bài đã cho biết gì ?+ Để tính diện tích HCN đó ta cần biết gì ? <p>- Y/c HS nêu các bước giải bài toán.</p> <p>- Y/c HS tự làm bài rồi h/d chữa bài.</p> <p>- Mời HS nhận xét.</p> <p>- Nhận xét.</p> <p><i>chốt:Cách tính diện tích HCN khi biết chu vi và chiều dài(chiều rộng)</i></p> <p><i>B 1:Tính nửa chu vi</i></p> <p><i>B2: Tính chiều dài của HCN.(chiều rộng)</i></p> <p><i>+ Tính diện tích của HCN</i></p> <p>3. Vận dụng</p> <p>cho HS hoạt động nhóm 4</p> <p>Bài 4: Vẽ 1 hình chữ nhật, sau đó đo và tính chu vi diện tích hình chữ nhật nhóm em vừa vẽ?</p> <ul style="list-style-type: none">- Nêu cách tính diện tích hình chữ nhật- Cho HS làm việc trong nhóm.- Gọi đại diện các nhóm trình bày.- Nhóm khác nhận xét, bổ sung- Nhận xét tiết học, tuyên dương HS- Dặn HS chuẩn bị bài sau.	<ul style="list-style-type: none">- 1 HS đọc đề toán.- HS nêu <p>+ Ta cần biết chiều dài và chiều rộng.</p> <ul style="list-style-type: none">- HS nêu bước giải: 3 bước:<ul style="list-style-type: none">+ Tính nửa chu vi+ Tính chiều dài của HCN.+ Tính diện tích của HCN- HS làm bài trong vở, chia sẻ trong cặp đôi cách làm bài, đổi vở kiểm tra- 1 em chữa bài- HS: Nhận xét và nêu câu lời giải, cách giải khác cho bài toán.- Lắng nghe. <p>HS nhắc lại</p> <ul style="list-style-type: none">- HS nêu yêu cầu của bài.- HS làm việc trong nhóm.- Đại diện các nhóm trình bày.- Nhóm khác nhận xét, bổ sung.- Lắng nghe.- Nhận việc.
---	--

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN: ĐẠO ĐỨC

ĐẠO ĐỨC

CHỦ ĐỀ: TUÂN THỦ QUY TẮC AN TOÀN GIAO THÔNG

BÀI 11: EM NHẬN BIẾT QUY TẮC AN TOÀN GIAO THÔNG (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù: Sau bài học, học sinh sẽ:

- Nêu được một số quy tắc an toàn giao thông thường gặp.

- Nhận biết được sự cần thiết phải tuân thủ quy tắc an toàn giao thông.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết quan sát và nhận biết được một số quy tắc an toàn giao thông thường gặp.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tự tìm hiểu thêm về quy tắc an toàn giao thông
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết chia sẻ, trao đổi, trình bày trong hoạt động nhóm.


3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ quan sát, suy nghĩ, trả lời câu hỏi.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc. Nghiêm chỉnh chấp hành luật giao thông.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: <ul style="list-style-type: none">- Mục tiêu: Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.- Cách tiến hành:	
<ul style="list-style-type: none">- Cho HS chơi trò chơi “Tìm hiểu các quy tắc an toàn giao thông.”- Hướng dẫn cách chơi, luật chơi:<ul style="list-style-type: none">+ Chia lớp thành 2 đội. Mỗi đội chơi gồm 5 HS. Mỗi nhóm lần lượt nêu một quy tắc an toàn giao. Nhóm nào nêu được nhiều quy tắc hơn sẽ thắng cuộc và nhận được ngôi sao điểm thưởng. <p>Thành viên của các đội chơi sau khi trả lời xong có quyền mời bất kì một thành viên nào của nhóm kia nêu một quy tắc an toàn giao Thông.</p>	<ul style="list-style-type: none">- HS lắng nghe.  <ul style="list-style-type: none">- HS tham gia trò chơi

- HS tham gia trò chơi, các bạn còn lại theo dõi và cổ vũ.
- Nhận xét, tuyên dương.
- Dẫn dắt vào bài mới.

2. Khám phá:

- Mục tiêu:
 - + Nêu được một số quy tắc an toàn giao thông thường gặp.
 - + Nhận biết được sự cần thiết phải tuân thủ quy tắc an toàn giao thông.
- Cách tiến hành:

Hoạt động 1. Quan sát tranh và nêu các quy tắc an toàn giao thông.

- Mời HS nêu yêu cầu.
- Giới thiệu tranh yêu cầu HS quan sát, và trả lời câu hỏi: **(Làm việc chung cả lớp)**



- Em có đồng ý với việc làm của các bạn trong tranh không? Vì sao?

- Mời HS khác nhận xét.
- Nhận xét tuyên dương, sửa sai (nếu có).
- Yêu cầu HS quan sát tranh và nêu tên các quy tắc an toàn giao thông trong mỗi tranh.

(Làm việc nhóm 2)

- Mời 2-3 nhóm trình bày

- 1 HS nêu yêu cầu.
- Cả lớp cùng quan sát tranh.

+ Không đồng ý. Vì các bạn chạy ngang qua đường như vậy rất nguy hiểm. Có thể gây ra tai nạn giao thông.....

- HS làm việc cá nhân - nhóm 2- chia sẻ trước lớp.

- Các nhóm trình bày
 - + Tranh 1: Qua đường ở nơi có vạch kẻ đường.
 - + Tranh 2: Thắt dây an toàn khi ngồi trên ô tô.
 - + Tranh 3: Mặc áo phao khi đi đò, đi phà,... qua sông.



- Kể một số quy tắc an toàn giao thông khác mà em biết?

- Nhận xét, đánh giá

Hoạt động 2: Nhận biết được sự cần thiết phải tuân thủ quy tắc an toàn giao thông (làm việc nhóm 2).

- Mời HS nêu yêu cầu.

- Yêu cầu HS quan sát tranh để mô tả hành vi của các bạn trong mỗi tranh và nêu hậu quả có thể xảy ra.



+ Theo em, Vì sao phải tuân thủ quy tắc an toàn giao thông?

+ Tranh 4: Đi bộ trên vỉa hè, phần đường dành riêng cho người đi bộ.

- Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình; Đi đúng làn đường quy định;...

- HS khác nhận xét, bổ sung.

+ HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

- 1 HS nêu yêu cầu.

- HS quan sát tranh theo nhóm 2 để mô tả hành vi của các bạn trong mỗi tranh và nêu hậu quả có thể xảy ra.

- HS trao đổi, chia sẻ

- HS chia sẻ trước lớp.

+ Tranh 1: HS qua đường ở nơi không có vạch kẻ đường. Chạy qua trước đầu xe ô tô dù xe ô tô đã phát tín hiệu bằng còi báo. Hành vi này dễ gây ra tai nạn giao thông nghiêm trọng.

+ Tranh 2: Tàu hoả đang chạy trên đường sắt nhưng HS vẫn chồm nhau bằng xe đạp băng qua đường sắt. Hành vi này có nguy cơ gây ra tai nạn giao thông đường sắt nghiêm trọng.

+ Vì tôn trọng luật giao thông là thể hiện tôn trọng pháp luật quý trọng sức khỏe, tính mạng của chính bản thân mình và người tham gia giao thông. Việc chấp hành nghiêm chỉnh Luật Giao thông sẽ đem lại hạnh cho chính mình cũng như cho cộng đồng, góp

- Mời 1 số HS chia sẻ trước lớp.
- Nhận xét.

phần xây dựng cuộc sống xã hội ngày càng văn minh hơn, tốt đẹp hơn.
- HS lắng nghe. Các nhóm khác khác nhận xét, bổ sung.

3. Luyện tập

- Mục tiêu:

+ Chỉ ra được hành động tuân thủ quy tắc an toàn giao thông hay không tuân thủ quy tắc an toàn giao thông.

- Cách tiến hành:

Hoạt động 1: Chỉ ra được hành động tuân thủ quy tắc an toàn giao thông hay không tuân thủ quy tắc an toàn giao thông. (làm cá nhân).

- Mời HS nêu yêu cầu.
- Yêu cầu các nhóm quan sát tranh.
- HD HS xác định tranh nào có hành động tuân thủ quy tắc an toàn giao thông



- Mời đại diện các nhóm chỉ ra tranh nào có hành động tuân thủ quy tắc an toàn giao thông hay không tuân thủ quy tắc an toàn giao thông.

- 1 HS đọc yêu cầu bài.
- HS làm việc theo nhóm 2 quan sát tranh và trao đổi tranh nào có hành động tuân thủ quy tắc an toàn giao thông tranh nào không tuân thủ quy tắc an toàn giao thông.

- Đại diện các nhóm trình bày
 - + Tranh 1: Không tuân thủ quy tắc an toàn giao thông vì bạn ngồi phía sau không thắt dây an toàn khi xe đang chạy.
 - + Tranh 2: Không tuân thủ quy tắc an toàn giao thông vì HS đi bộ ở phần đường bên trái.
 - + Tranh 3: Tuân thủ quy tắc an toàn giao thông vì dắt xe đi bộ qua vạch kẻ

<ul style="list-style-type: none">- Mời các nhóm nhận xét.- Chốt nội dung, tuyên dương.	<p>đường dành cho người đi bộ.</p> <p>+ Tranh 4: Không tuân thủ quy tắc an toàn giao thông vì HS ngồi sau xe máy không đội mũ bảo hiểm.</p> <p>- Các nhóm nhận xét nhóm bạn.</p>
<p>3. Vận dụng.</p> <ul style="list-style-type: none">- Mục tiêu:+ củng cố kiến thức lại các quy tắc an toàn giao thông.+ Vận dụng vào thực tiễn để thực hiện tốt an toàn giao thông- Cách tiến hành:	
<ul style="list-style-type: none">- Cho HS chơi trò chơi.- Giới thiệu trò chơi” Đi theo đèn tín hiệu giao thông”- Hướng dẫn cách chơi, luật chơi: Lớp chia thành hai đội mỗi đội chơi 5HS . Các HS xếp thành 1 hàng dọc và thực hiện theo hiệu lệnh của người điều khiển như sau:<ul style="list-style-type: none">+ Đèn xanh: Người đứng sau đưa tay lên vai người đứng trước làm thành một đoàn tàu và di chuyển thật nhanh.+ Đèn vàng: Vẫn để tay trên vai người đứng trước và đi chậm lại.+ Đèn đỏ: Khoanh hai tay trước ngực và dừng lại.- Bạn nào thực hiện sai so với hiệu lệnh sẽ bị loại khỏi đội chơi. Đội nào còn số lượng thành viên nhiều hơn khi trò chơi kết thúc thì đội đó thắng cuộc.- HS tham gia trò chơi, các bạn còn lại theo dõi và cổ vũ.- Nhận xét, tuyên dương.	<ul style="list-style-type: none">- HS lắng nghe. - HS tham gia trò chơi - HS lắng nghe.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI HÌNH DẠNG TRÁI ĐẤT CÁC ĐỐI KHÍ HẬU (Tiết 2).

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù: Sau khi học, học sinh sẽ:

*Về nhận thức khoa học:

- Chỉ được cực Bắc, cực Nam, đường Xích đạo, bán cầu Bắc, bán cầu Nam và các đới khí hậu trên quả địa cầu.
- Trình bày được một vài hoạt động tiêu biểu của con người ở từng đới khí hậu.

* Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:

- Quan sát sơ đồ các đới khí hậu rút ra được nhận xét về vị trí của các đới khí hậu trên Trái Đất.

*Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:

- Phân tích được ảnh hưởng của khí hậu đến hoạt động sống của con người.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Có biểu hiện chú ý học tập, tự giác tìm hiểu bài để hoàn thành tốt nội dung tiết học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có biểu hiện tích cực, sáng tạo trong các hoạt động học tập, trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có biểu hiện tích cực, sôi nổi và nhiệt tình trong hoạt động nhóm. Có khả năng trình bày, thuyết trình... trong các hoạt động học tập.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Bày tỏ được một số hoạt động khí hậu ảnh hưởng đến hoạt động sống của con người.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ học tập, luôn tự giác tìm hiểu bài.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc. Có trách nhiệm với tập thể khi tham gia hoạt động nhóm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- : + Sơ đồ các đới khí hậu trên Trái Đất (trang 113, 115 SGK).

+ Một số tranh ảnh về hoạt động tiêu biểu của con người ở các đới khí hậu.

- HS: VBT Tự nhiên và Xã hội 3. Bút màu.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.	

+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.

- Cách tiến hành:

- Cho HS nghe nhạc và hát theo bài hát “Khúc ca bốn mùa - Nhạc và lời: Nguyễn Hải”.

- Kết nối kiến thức:

?Một năm có mấy mùa đó là những mùa nào?

?Nước ta thuộc đới khí hậu nào? Để biết rõ điều đó cô cùng các em đi tìm hiểu tiết bài “Hình dạng Trái đất các đới khí hậu.”

- Giới thiệu bài mới - Ghi đầu bài lên bảng

- Lớp hát

+ Trả lời: 4 mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông.

- Lắng nghe – Mở SGK

2. Khám phá: Một số hoạt động tiêu biểu của con người ở các đới khí hậu

- Mục tiêu:

+ Trình bày được một số hoạt động tiêu biểu của con người ở từng đới khí hậu.

+Sử dụng kĩ năng quan sát tranh, trình bày được sự khác nhau về cảnh vật và thời tiết đặc trưng của các đới trong hình SGK trang 114, 115. Nêu được tên và đặc điểm của các đới đó

- Cách tiến hành:

Hoạt động 1. Tìm hiểu về các hoạt động tiêu biểu của con người ở từng đới khí hậu.(Nhóm – Lớp)

*Bước 1: Làm việc nhóm 4

- Yêu cầu các nhóm làm việc.

- Theo dõi quan sát – hỗ trợ.

*Bước 2: Làm việc cả lớp

- Chiếu các hình 1 – 8 ở trang 114, 115 SGK lên, gọi đại diện các nhóm lên trình bày.

• Đới nóng:



Chăn nuôi lạc đà

1



Thu hái cà phê

2

• Đới lạnh:



Đi lấy củi

3



Câu cá ở hồ băng

4

- HS thảo luận nhóm.

+Các nhóm quan sát các hình 1 – 8 ở trang 114, 115 SGK rồi nói về hoạt động của người dân ở các đới khí hậu

- Một số nhóm trình bày.

- Các HS nhóm khác nhận xét.

- Kết quả trình bày:

Hình 1: Chăn nuôi lạc đà.

H 2: Trồng, thu hái cà phê.

H 3: Đi lấy củi





H 4: Câu cá ở hồ băng

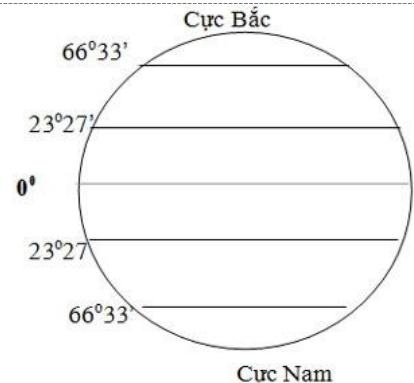
H 5: Tắm biển

H 6: trượt tuyết.

H 7: Trồng, thu hoạch lúa mì.

H 8:Chăn nuôi cừu.

<p>• Đới ôn hoà:</p>  <p>Tắm biển</p>  <p>Trượt tuyết</p>  <p>Thu hoạch lúa mì</p>  <p>Chăn nuôi cừu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét. - Đưa ra câu hỏi để mở rộng kiến thức: ? Qua hoạt động của người dân ở các đới khí hậu, các em hãy cho biết đặc điểm của từng đới khí hậu. - Nhận xét – chốt nội dung * Đặc điểm các đới khí hậu: + Đới nóng còn gọi là Nhiệt đới: Thường nóng quanh năm + Đới ôn hòa còn gọi là Ôn đới: khí hậu ôn hòa, có đủ bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông + Đới lạnh còn gọi là Hàn đới: rất lạnh, ở hai cực của Trái Đất, quanh năm nước đóng băng. - Mở rộng: Việt Nam nằm ở đới nóng. + Chỉ trên quả địa cầu vị trí của Việt Nam Liên hệ: Hãy kể một số hoạt động tiêu biểu của người dân Việt Nam. Nhận xét tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nhận xét ý kiến của bạn. HSTL: - Hình 1 & 2: Đới nóng: khí hậu thường nóng quanh năm - H 3 & H 4: Đới lạnh: rất lạnh, ở hai cực của Trái Đất, quanh năm nước đóng băng. - H 5, H 6, H 7 & H 8: Đới ôn hòa: khí hậu ôn hòa, có đủ bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông - Chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy hải sản,....Trồng cây công nghiệp và cây lương thực.
<p>3. Luyện tập – Vận dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: Thông qua việc làm bài, HS được luyện tập và vận dụng những kiến thức đã học về đới khí hậu: tên đới và vị trí của đới khí hậu trên Trái Đất. - Cách tiến hành: 	
<p>Hoạt động 2. Xác định vị trí các đới khí hậu trên sơ đồ. (Làm việc cá nhân.)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mời HS đọc yêu cầu đề bài.” Xác định vị trí các đới khí hậu trên sơ đồ.” + Xác định vị trí các đới khí hậu trên sơ đồ. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS nêu yêu cầu đề bài.

<p>*Chuẩn bị:</p> <ol style="list-style-type: none">Hình vẽ sơ đồ các đới khí hậu trên Trái Đất (không màu và không có chữ).Bút màu hoặc sáp màu. <p>*Thực hiện:</p> <p>Viết tên đới khí hậu vào sơ đồ và tô màu.</p> <ul style="list-style-type: none">phát cho mỗi HS hình vẽ trên giấy khổ nhỏ. <p>Chú ý: Trong lúc thực hành, HS không được mở SGK. Làm xong HS nộp bài cho .</p> <p>- Mời HS trình bày.</p> <p>- Nhận xét, đánh giá, tuyên dương (bổ sung).</p>	 <p>* Bước 1: HS nhận tờ giấy có hình sơ đồ các đới khí hậu và chuẩn bị bút màu hoặc sáp màu.</p> <p>* Bước 2: Thực hiện HS viết tên các đới vào đúng vị trí rồi tô màu.</p> <ul style="list-style-type: none">HS theo dõi - quan sát, nhận xét, bổ sung.
<p>4. HĐ vận dụng – củng cố.</p> <ul style="list-style-type: none">Nhận xét, dặn dò tiết học.	<ul style="list-style-type: none">Ghi nhớ nội dung bài họcVN tìm hiểu về đới khí hậu của một số nước trên thế giới.

TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

HÌNH DẠNG TRÁI ĐẤT CÁC ĐỚI KHÍ HẬU (Tiết 3).

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù: Sau khi học, học sinh sẽ:

***Về nhận thức khoa học:**

- Chỉ được cực Bắc, cực Nam, đường Xích đạo, bán cầu Bắc, bán cầu Nam và các đới khí hậu trên quả địa cầu.

- Trình bày được một vài hoạt động tiêu biểu của con người ở từng đới khí hậu.

*** Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:**

- Quan sát sơ đồ các đới khí hậu rút ra được nhận xét về vị trí của các đới khí hậu trên Trái Đất.

***Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:**

- Phân tích được ảnh hưởng của khí hậu đến hoạt động sống của con người.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Có biểu hiện chú ý học tập, tự giác tìm hiểu bài để hoàn thành tốt nội dung tiết học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có biểu hiện tích cực, sáng tạo trong các hoạt động học tập, trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có biểu hiện tích cực, sôi nổi và nhiệt tình trong hoạt động nhóm. Có khả năng trình bày, thuyết trình... trong các hoạt động học tập.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Bày tỏ được một số hoạt động khí hậu ảnh hưởng đến hoạt động sống của con người.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ học tập, luôn tự giác tìm hiểu bài.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc. Có trách nhiệm với tập thể khi tham gia hoạt động nhóm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- : + Sơ đồ các đới khí hậu trên Trái Đất (trang 113, 115 SGK).

+ Một số tranh ảnh về hoạt động tiêu biểu của con người ở các đới khí hậu.

- HS: VBT Tự nhiên và Xã hội 3. Bút màu.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phân khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- Cho HS nghe nhạc và hát theo bài hát “Khúc ca bốn mùa - Nhạc và lời: Nguyễn Hải”. - Kết nối kiến thức: ?Một năm có mấy mùa đó là những mùa nào? ?Nước ta thuộc đới khí hậu nào? Để biết rõ điều đó cô cùng các em đi tìm hiểu tiết bài “Hình dạng Trái đất các đới khí hậu.” - Giới thiệu bài mới - Ghi đầu bài lên bảng	- Lớp hát + Trả lời: 4 mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông. - Lắng nghe – Mở SGK
2. Khám phá: Một số hoạt động tiêu biểu của con người ở các đới khí hậu - Mục tiêu: + Trình bày được một số hoạt động tiêu biểu của con người ở từng đới khí hậu.	

+Sử dụng kĩ năng quan sát tranh, trình bày được sự khác nhau về cảnh vật và thời tiết đặc trưng của các đới trong hình SGK trang 114, 115. Nêu được tên và đặc điểm của các đới đó

- Cách tiến hành:

Hoạt động 1. Tìm hiểu về các hoạt động tiêu biểu của con người ở từng đới khí hậu.(Nhóm – Lớp)

*Bước 1: Làm việc nhóm 4

- Yêu cầu các nhóm làm việc.
- Theo dõi quan sát – hỗ trợ.

*Bước 2: Làm việc cả lớp

- Chiếu các hình 1 – 8 ở trang 114, 115 SGK lên, gọi đại diện các nhóm lên trình bày.

• Đới nóng:



Chăn nuôi lạc đà

1



Thu hái cà phê

2

• Đới lạnh:



Đi lấy củi

3



Câu cá ở hồ băng

4

• Đới ôn hoà:



Tắm biển

5



Trượt tuyết

6



Thu hoạch lúa mì

7



Chăn nuôi cừu

8

- Nhận xét.

- Đưa ra câu hỏi để mở rộng kiến thức:

? Qua hoạt động của người dân ở các đới khí hậu, các em hãy cho biết đặc điểm của từng đới khí hậu.

- Nhận xét – chốt nội dung

- HS thảo luận nhóm.

+Các nhóm quan sát các hình 1 – 8 ở trang 114, 115 SGK rồi nói về hoạt động của người dân ở các đới khí hậu

- Một số nhóm trình bày.

- Các HS nhóm khác nhận xét.

- Kết quả trình bày:

Hình 1: Chăn nuôi lạc đà.

H 2: Trồng, thu hái cà phê.

H 3: Đi lấy củi

H 4: Câu cá ở hồ băng

H 5: Tắm biển

H 6: trượt tuyết.

H 7: Trồng, thu hoạch lúa mì.

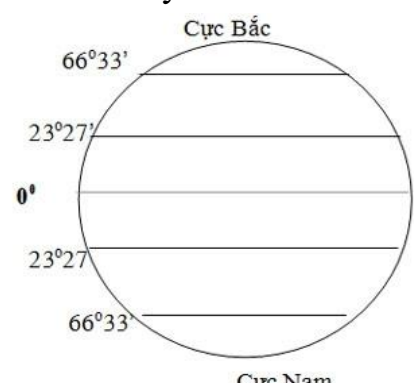
H 8:Chăn nuôi cừu.

- HS nhận xét ý kiến của bạn.

HSTL:

<p>* Đặc điểm các đới khí hậu:</p> <p>+ Đới nóng còn gọi là Nhiệt đới: Thường nóng quanh năm</p> <p>+ Đới ôn hòa còn gọi là Ôn đới: khí hậu ôn hòa, có đủ bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông</p> <p>+ Đới lạnh còn gọi là Hàn đới: rất lạnh, ở hai cực của Trái Đất, quanh năm nước đóng băng.</p> <p>- mở rộng: Việt Nam nằm ở đới nóng.</p> <p>+ Chỉ trên quả địa cầu vị trí của Việt Nam</p> <p>Liên hệ: Hãy kể một số hoạt động tiêu biểu của người dân Việt Nam.</p> <p>Nhận xét tuyên dương.</p>	<p>- Hình 1 & 2: Đới nóng: khí hậu thường nóng quanh năm</p> <p>- H 3 & H 4: Đới lạnh: rất lạnh, ở hai cực của Trái Đất, quanh năm nước đóng băng.</p> <p>- H 5, H 6, H 7 & H 8: Đới ôn hòa: khí hậu ôn hòa, có đủ bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông</p> <p>- Chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy hải sản,....Trồng cây công nghiệp và cây lương thực.</p>
--	--

<p>3. Luyện tập – Vận dụng.</p> <p>- Mục tiêu: Thông qua việc làm bài, HS được luyện tập và vận dụng những kiến thức đã học về đới khí hậu: tên đới và vị trí của đới khí hậu trên Trái Đất.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
--	--

<p>Hoạt động 2. Xác định vị trí các đới khí hậu trên sơ đồ. (Làm việc cá nhân.)</p> <p>- Mời HS đọc yêu cầu đề bài.” Xác định vị trí các đới khí hậu trên sơ đồ.”</p> <p>+ Xác định vị trí các đới khí hậu trên sơ đồ.</p> <p>*Chuẩn bị:</p> <ol style="list-style-type: none"> Hình vẽ sơ đồ các đới khí hậu trên Trái Đất (không màu và không có chữ). Bút màu hoặc sáp màu. <p>*Thực hiện:</p> <p>Viết tên đới khí hậu vào sơ đồ và tô màu.</p> <p>- Phát cho mỗi HS hình vẽ trên giấy khổ nhỏ.</p> <p>Chú ý: Trong lúc thực hành, HS không được mở SGK. Làm xong HS nộp bài cho .</p> <p>- Mời HS trình bày.</p> <p>- Nhận xét, đánh giá, tuyên dương (bổ sung).</p>	<p>- 1 HS nêu yêu cầu đề bài.</p>  <p>* Bước 1: HS nhận tờ giấy có hình sơ đồ các đới khí hậu và chuẩn bị bút màu hoặc sáp màu.</p> <p>* Bước 2: Thực hiện HS viết tên các đới vào đúng vị trí rồi tô màu.</p> <p>- HS theo dõi - quan sát, nhận xét, bổ sung.</p>
---	---

<p>4. HĐ vận dụng – củng cố.</p>	<p>- Ghi nhớ nội dung bài học</p>
---	-----------------------------------

- Nhận xét, dặn dò tiết học.

- VN tìm hiểu về đới khí hậu của một số nước trên thế giới.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM
CHỦ ĐỀ: EM VÀ NHỮNG NGƯỜI BẠN
Sinh hoạt theo chủ đề: HÒA GIẢI BẤT ĐỒNG VỚI BẠN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận diện được sự bất đồng trong quan hệ bạn bè.
- Nêu được cách hòa giải với bạn khi gặp bất đồng.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tự nhận diện được sự bất đồng trong quan hệ bạn bè.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết cách hòa giải với bạn khi gặp bất đồng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết chia sẻ về cách hòa giải với bạn khi gặp bất đồng.

3. Phẩm chất.


- Phẩm chất nhân ái: tôn trọng bạn, biết lắng nghe những chia sẻ về cách hòa giải với bạn khi gặp bất đồng.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chịu khó tìm hiểu những cách cách hòa giải với bạn khi gặp bất đồng một cách khéo léo, hài hòa.
- Phẩm chất trách nhiệm: làm việc tập trung, nghiêm túc, có trách nhiệm trước tập thể lớp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. - Cách tiến hành: 	

<ul style="list-style-type: none">- Mở bài hát “Lớp chúng ta đoàn kết” để khởi động bài học.+ Cùng chia sẻ với HS về nội dung bài hát.- Nhận xét, tuyên dương.- Dẫn dắt vào bài mới	<ul style="list-style-type: none">- HS lắng nghe.- HS Chia sẻ với về nội dung bài hát.- HS lắng nghe.
2. Khám phá: <ul style="list-style-type: none">- Mục tiêu: Nhận diện được sự bất đồng trong quan hệ bạn bè.- Cách tiến hành:	
* Hoạt động 1: Nhận diện sự bất đồng trong quan hệ bạn bè (Làm việc cặp đôi) <ul style="list-style-type: none">- Mời HS đọc yêu cầu.+ Kể về những kỉ niệm không vui của em với bạn.+ Chỉ ra những bất đồng trong mỗi kỉ niệm không vui đó.- Cho HS thảo luận cặp đôi theo yêu cầu  <ul style="list-style-type: none">- Mời HS trình bày trước lớp.- Mời các HS khác nhận xét.- Nhận xét chung, tuyên dương.	<ul style="list-style-type: none">- Học sinh đọc yêu cầu bài- HS thảo luận theo cặp đề:<ul style="list-style-type: none">+ Kể về những kỉ niệm không vui+ Chỉ ra những bất đồng- Một số HS chia sẻ trước lớp.- HS nhận xét ý kiến của bạn.- Lắng nghe rút kinh nghiệm.
3. Luyện tập: <ul style="list-style-type: none">- Mục tiêu: Nêu được cách hòa giải bất đồng với bạn để áp dụng vào cuộc sống hàng ngày.- Cách tiến hành:	
Hoạt động 2. Kể về bất đồng của em với bạn (Làm việc cả lớp) <ul style="list-style-type: none">- Mời HS đọc yêu cầu bài.- Yêu cầu học sinh kể về một lần em bất đồng với bạn theo gợi ý:<ul style="list-style-type: none">+ Tình huống xảy ra bất đồng;+ Ứng xử của em với bạn;	<ul style="list-style-type: none">- 1 HS đọc yêu cầu bài.- Một số HS kể trước lớp theo thực tế trải nghiệm của bản thân.

+ Cảm xúc của em khi đó.

- Nhận xét chung, tuyên dương.

kết luận: *Tất cả những tình huống mà các em vừa kể đều là những bất đồng trong quan hệ bạn bè cần được giải quyết và hòa giải khéo léo để giữ được tình bạn thân thiết, đoàn kết.*

Hoạt động 3. Tìm kiếm chìa khóa hòa giải (Làm việc nhóm 4)

- Mời HS đọc yêu cầu bài.

- Yêu cầu học sinh thảo luận nhóm 4: Thảo luận về cách hòa giải bất đồng với bạn.

- Các nhóm chia sẻ trước lớp

- Mời các nhóm khác nhận xét.

- Nhận xét chung, tuyên dương.

chốt lại 4 chìa khóa hòa giải.



- 1 HS đọc yêu cầu bài.

- HS thảo luận nhóm 4, đưa ra những ý tưởng để hòa giải bất đồng với bạn

+ Khi gặp bất đồng, cần bình tĩnh lắng nghe bạn nói để hiểu bạn.

+ Cần tìm được lí do dẫn tới bất đồng.

+ Cần có sự trao đổi chân thành để hiểu nhau.

+ Cần cùng nhau thống nhất cách hòa giải.

- Các nhóm nhận xét, bổ sung

4. Vận dụng.

- Mục tiêu:

+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- Hướng dẫn HS tự liên hệ bản thân:

+ Các em đã bao giờ xử lí bất đồng theo 4 bước của chìa khóa hòa giải chưa?

- Học sinh chia sẻ trước lớp theo suy nghĩ và trải nghiệm thực tế của mình.

- + Trong 4 chìa khóa trên, em thấy chìa khóa nào khó thực hiện nhất, vì sao?
- + Bản thân em đã từng giúp bạn khác giải quyết mỗi bất đồng với bạn bao giờ chưa?
- Nhận xét, tuyên dương.
- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

CHỦ ĐỀ: EM VÀ NHỮNG NGƯỜI BẠN

Sinh hoạt cuối tuần: CÂU CHUYỆN VỀ TÌNH BẠN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Kể được những câu chuyện về tình cảm bạn bè mà em đã sưu tầm.
- Thể hiện tình cảm yêu quý bạn bè.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Sưu tầm được những câu chuyện về tình cảm bạn bè.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết kể lại được những câu chuyện về tình cảm bạn bè mà em đã sưu tầm.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết chia sẻ với bạn ý kiến của mình về những câu chuyện về tình cảm bạn bè mà các bạn vừa kể.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: tôn trọng bạn, biết lắng nghe những chia sẻ, tâm sự của bạn.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chịu khó tìm hiểu, sưu tầm được những câu chuyện về tình cảm bạn bè.
- Phẩm chất trách nhiệm: Học tập trung, nghiêm túc, có trách nhiệm trước tập thể lớp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu:	

<ul style="list-style-type: none">+ Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.+ Xây dựng mối đoàn kết, thân tình trong quan hệ bạn bè.- Cách tiến hành:	
<ul style="list-style-type: none">- Mở bài hát “Tình bạn” để khởi động bài học.+ Cùng trao đổi với HS về nội dung bài hát.- Nhận xét, tuyên dương.- Dẫn dắt vào bài mới.	<ul style="list-style-type: none">- HS lắng nghe.- HS trả lời về nội dung bài hát.- HS lắng nghe.
2. Sinh hoạt cuối tuần: <ul style="list-style-type: none">- Mục tiêu: Đánh giá kết quả hoạt động trong tuần, đề ra kế hoạch hoạt động tuần tới..- Cách tiến hành:	
* Hoạt động 1: Đánh giá kết quả cuối tuần. (Làm việc nhóm 2) <ul style="list-style-type: none">- Yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần. Yêu cầu các nhóm thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong tuần.+ Kết quả sinh hoạt nền nếp.+ Kết quả học tập.+ Kết quả hoạt động các phong trào.- Mời các nhóm nhận xét, bổ sung. - Nhận xét chung, tuyên dương. (Có thể khen, thưởng,...tùy vào kết quả trong tuần)	<ul style="list-style-type: none">- Lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần.- HS thảo luận nhóm 2: nhận xét, bổ sung các nội dung trong tuần. - Một số nhóm nhận xét, bổ sung.- Lắng nghe rút kinh nghiệm.- 1 HS nêu lại nội dung.
* Hoạt động 2: Kế hoạch tuần tới. (Làm việc nhóm 4) <ul style="list-style-type: none">- yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. Yêu cầu các nhóm thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch.+ Thực hiện nền nếp trong tuần.+ Thi đua học tập tốt.+ Thực hiện các hoạt động các phong trào.- mời các nhóm nhận xét, bổ sung. - Nhận xét chung, thống nhất, và biểu quyết hành động.	<ul style="list-style-type: none">- Lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới.- HS thảo luận nhóm 4: Xem xét các nội dung trong tuần tới, bổ sung nếu cần. - Một số nhóm nhận xét, bổ sung.- Cả lớp biểu quyết hành động bằng giơ tay.

3. Sinh hoạt chủ đề.

- Mục tiêu:

- + Kể được những câu chuyện về tình cảm bạn bè mà em đã sưu tầm.
- + Thể hiện tình cảm yêu quý bạn bè.

- Cách tiến hành:

Hoạt động 3. Câu chuyện về tình bạn. (Làm việc cả lớp)

- Tổ chức cho HS thảo luận trước lớp:

- + Kể lại những câu chuyện về tình bạn mà bản thân đã sưu tầm;
- + Mời HS chia sẻ cảm nghĩ về những câu chuyện bạn vừa kể.
- + Lựa chọn câu chuyện hay và ý nghĩa kể trước toàn trường.



- Theo dõi, định hướng, giúp đỡ
- Nhận xét chung, tuyên dương.

- + Lần lượt một số HS kể trước lớp.
- + HS chia sẻ cảm nghĩ của mình
- + Lớp thảo luận, lựa chọn.

- Lắng nghe, rút kinh nghiệm.

4. Vận dụng.

- Mục tiêu:

- + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
- + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- Nêu yêu cầu và hướng dẫn học sinh về nhà tiếp tục sưu tầm những câu chuyện hay, ý nghĩa về tình bạn để kể cho thầy cô, bạn bè, gia đình mình nghe.
- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.

- Học sinh tiếp nhận thông tin và yêu cầu để về nhà thực hiện.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN CÔNG NGHỆ
CÔNG NGHỆ
Bài 10: LÀM ĐỒ CHƠI (T3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù: Sau khi học, học sinh sẽ:

- Làm được mô hình xe đồ chơi đơn giản theo hướng dẫn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Có biểu hiện chú ý học tập, tự giác tìm hiểu thông tin từ những ngữ liệu cho sẵn trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết xác định các sản phẩm công nghệ trong gia đình và bảo quản các sản phẩm đó.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có biểu hiện tích cực, sôi nổi và nhiệt tình trong hoạt động nhóm. Có khả năng trình bày, thuyết trình... trong các hoạt động học tập.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ học tập, luôn tự giác tìm hiểu bài.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức bảo quản, giữ gìn sản phẩm công nghệ trong gia đình.


II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.</p> <p>+ Nêu được đúng và đủ số lượng các vật liệu, dụng cụ để làm xe đồ chơi.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- Tổ chức trò chơi để khởi động bài học.</p> <p>- HS tham gia chơi bằng cách trả lời các câu hỏi:</p> <p>+ Câu 1: Kể tên các vật liệu, dụng cụ cần thiết để làm xe đồ chơi?</p>	<p>- HS tham gia chơi khởi động</p> <p>+ Trả lời: Tấm pho-mêch hình chữ nhật và hình vuông; que tre; ống hút bằng giấy; giấy màu; bút chì, thước kẻ, compa, màu vẽ, băng dính.</p>

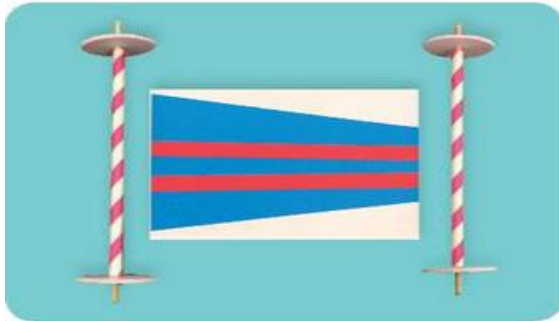
<p>+ Câu 2: Tấm pho-mêch hình vuông dùng làm bộ phận nào của xe và cần số lượng bao nhiêu?</p> <ul style="list-style-type: none">- Nhận xét, tuyên dương.- Dẫn dắt vào bài mới	<p>+ Trả lời: Cần dùng 4 tấm pho-mêch hình vuông để làm bánh xe.</p> <ul style="list-style-type: none">- HS lắng nghe.
<p>2. Luyện tập:</p> <ul style="list-style-type: none">- Mục tiêu: Thực hành làm được xe đồ chơi đơn giản theo hướng dẫn.- Cách tiến hành:	
<p>Hoạt động 1. Thực hành làm xe đồ chơi. (làm việc nhóm 2)</p> <ul style="list-style-type: none">- Lần lượt chia sẻ các Hình 5, 6, 7 và 8. Đồng thời ở mỗi hình nêu các thao tác làm và làm mẫu cho HS quan sát.- đặt các câu hỏi gợi mở, hướng dẫn HS quan sát nắm được các bước làm. <p>* Bước 1: Làm bánh xe và trục bánh xe:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Từ bốn tấm pho-mêch hình vuông có cạnh dài 4cm làm ra bốn bánh xe hình tròn theo mô tả trong hình 5+ Trang trí bánh xe bằng caws tô màu theo mẫu.  <ul style="list-style-type: none">- Hỏi: Em có ý tưởng nào khác để trang trí bánh xe?- Tiếp tục hướng dẫn:<ul style="list-style-type: none">+ Dùng compa tạo lỗ ở giữa bánh xe.+ Luồn que tre vào ống hút giấy để tạo thành trục bánh xe.+ Lắp trục bánh xe theo mô tả trong hình 6.	<ul style="list-style-type: none">- HS quan sát làm mẫu, ghi nhớ các bước, thao tác làm.- HS lắng nghe, trả lời.- HS trả lời theo suy nghĩ của mình.- Cả lớp lắng nghe, chú ý quan sát để ghi nhớ.



- Lưu ý HS: Đảm bảo an toàn khi lắp bánh xe vào trục.

* Bước 2: Làm thân xe

+ Dùng tấm pho-mêch hình chữ nhật có chiều dài 15cm và chiều rộng 10cm để làm thân xe như Hình 7.



+ Trang trí thân xe theo mẫu.

* Bước 3: Hoàn thiện:

+ Dùng băng dính gắn trục bánh xe vào thân xe như Hình 8.



+ Kiểm tra và điều chỉnh lại sản phẩm (nếu cần).

- Yêu cầu các nhóm đôi thực hành làm.

- Quan sát, hỗ trợ và đánh giá quá trình thực hành.

- Sau khi HS hoàn thiện xong sản phẩm, hướng dẫn HS sử dụng phiếu đánh giá sản phẩm.

- Các nhóm thực hành làm sản phẩm.

- HS lắng nghe, hoàn thiện phiếu đánh giá.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM			
Yêu cầu	😊	🙂	😞
Đúng kích thước	?	?	?
Chắc chắn	?	?	?
Bánh xe chuyển động được	?	?	?
Trang trí đẹp	?	?	?

- Yêu cầu HS cùng nhận xét và chia sẻ cách cải tiến sản phẩm với bạn.

- Nhận xét, đánh giá và tuyên dương.

Hoạt động 2. Giới thiệu sản phẩm. (Làm việc nhóm đôi)

- Hướng dẫn HS tổ chức trưng bày sản phẩm.

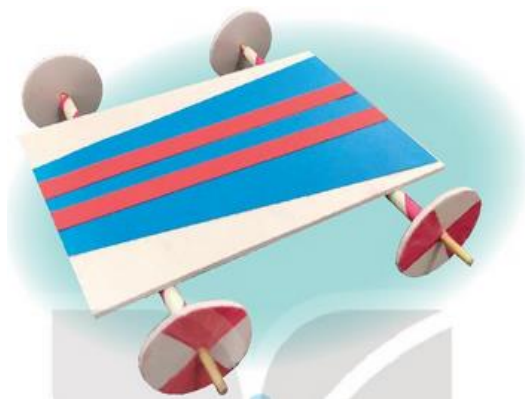
- Yêu cầu mỗi nhóm chuẩn bị sẵn các nội dung thuyết trình để giới thiệu chi tiết về sản phẩm của nhóm mình.

- Các nhóm đi tham quan sản phẩm của nhau.

- Mời đại diện một số nhóm nêu nhận xét, đánh giá sản phẩm của các nhóm.

- lưu ý các nhóm đánh giá theo đúng yêu cầu của phiếu đánh giá sản phẩm, những ưu điểm, kinh nghiệm có thể học hỏi từ nhóm bạn.

- Nhận xét, đánh giá hoạt động của các nhóm.



- HS chia sẻ.

- Cả lớp lắng nghe.

- HS lắng nghe.

- Các nhóm chuẩn bị bài giới thiệu sản phẩm của nhóm mình theo yêu cầu.

- Các nhóm lần lượt đi tham quan sản phẩm của nhau.

- Đại diện một số nhóm trình bày.

- Cả lớp lắng nghe.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

3. Vận dụng.

- Mục tiêu:

+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

- + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.
- Cách tiến hành:

- Hướng dẫn HS về nhà suy nghĩ lắp thêm bộ phận giúp xe đồ chơi tự chuyển động được.
- Chiếu Hình 10 để HS tham khảo.



- Nhận xét chung, tuyên dương.
- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.

- HS lắng nghe, ghi nhớ về nhà thực hiện.
- Cả lớp quan sát, học hỏi.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm

GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

MÓN ĂN TRUYỀN THỐNG QUÊ HƯƠNG EM (TIẾT 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Biết được các món ăn truyền thống ở Hải Dương .
- Các món ăn đó ở các huyện của Hải Dương
- Tìm hiểu về các nguyên liệu làm nên các món ăn đó.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Một số hình ảnh về món ăn của Hải Dương.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p>I. Khởi động: 4 – 5p</p> <ul style="list-style-type: none"> -Giới thiệu với các bạn về món ăn em yêu thích? -Em yêu thích món ăn nào - Dẫn dắt bài mới: Chủ đề 4: Món ăn em yêu thích (Tiết 1) <p>II. Khám phá: 15-18p</p>	<ul style="list-style-type: none"> -HSTL. - HS lắng nghe

***Sưu tầm và giới thiệu với các bạn một số món ăn ở nơi em sinh sống**

-Cho HS quan sát ảnh.

? Ảnh chụp món ăn nào nào?

? Món ăn đó thuộc huyện nào?

Kết luận : Hải Dương có nhiều món ăn truyền thống như: Bún cá rô đồng, chả rươi Tứ Kỳ, bánh cuốn(bánh trắng)...

- Trình chiếu một số hình ảnh về các món ăn của Hải Dương để học sinh quan sát.

Tổ chức trò chơi “Gắn thẻ”

Chia lớp làm 3 nhóm lên bảng gắn thẻ món ăn với nguyên liệu chính của nó

hướng dẫn trò chơi : Trên bảng có 3 tấm thẻ mỗi tấm thẻ là một món ăn. Cùng với đó là các nguyên liệu làm món ăn ăn đó. Nhiệm vụ của các bạn là phải chọn đúng thẻ gắn các món ăn với ăn với nguyên liệu chính của nó.

-Nhận xét, đánh giá

-Kết luận: Nguyên liệu chính của món Bún cá rô đồng là:Cá rô, bún, thì là, cà chua.

Nguyên liệu chính của món Chả rươi Tứ Kỳ là:

Rươi, trứng , thịt lợn, vỏ quýt, hành

Nguyên liệu chính của món Bánh trắng là:Bột gạo, mộc nhĩ, thịt lợn, củ hành.

-Để món ăn trở nên đặc sắc , khi chế biến món ăn chả rươi Tứ Kỳ phải có vỏ quýt, bánh cuốn Hải Dương phải có hành trắng lên từng lớp, nước chấm gồm nước chấm pha đường cùng hạt tiêu...

III. Luyện tập

-Kể tên những món ăn truyền thống khác của Hải Dương .

-Món đó được làm từ nguyên liệu gì?

IV.Vận dụng

- Hôm nay chúng ta được học bài gì?

- Yêu cầu HS sưu tầm thêm các món ăn đặc sản của tỉnh Hải Dương mà em biết.

- Nhận xét – đánh giá tiết học

-Bún cá rô đồng

-Chả rươi

- Bánh cuốn

-HS tham gia trò chơi

-HS lắng nghe

-HS trả lời

- HS lắng nghe và ghi nhớ

